HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 82/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 615/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Hoàn Long là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 20:42:02

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀN LONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/ĐA-UBND	*Hoàn Long, ngày 22 tháng 09 năm 2026*

ĐỀ ÁN
CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

****

PHẦN I: MỞ ĐẦU
****

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN.

Xã Hoàn Long nằm ở cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, là địa bàn có vị trí quan trọng trong không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xã có vị trí tiếp giáp với các khu vực phát triển năng động như Văn Giang, Nghĩa Trụ, Nguyễn Văn Linh, Mễ Sở, Triệu Việt Vương và xã Việt Yên; đồng thời nằm trong khu vực có hệ thống giao thông đối ngoại và liên kết vùng chiến lược như tuyến đường cao tốc CT.04 (Hà Nội - Hải Phòng), đường vành đai 4 Thủ đô, Cao tốc CT.16 (ĐT 379), ĐT 377, ĐT 381, ĐT 382, 382B. Xã Hoàn Long với tổng diện tích tự nhiên là 19,58 km2 và quy mô dân số năm 2025 là 33.415 người. Về tính chất, địa phương được định hướng phát triển theo mô hình là đô thị dịch vụ, thương mại, công nông nghiệp chất lượng cao, tập trung phát triển khu công nghệ cao tỉnh Hưng Yên (quy mô 496,1 ha; trong đó Hoàn Long chiếm phần lớn diện tích khoảng 338,7ha).

Trong quá trình hình thành và phát triển, khu vực xã Hoàn Long đã có sự chuyển biến mạnh mẽ từ không gian sản xuất nông nghiệp truyền thống sang không gian phát triển đa chức năng với sự gia tăng nhanh của các hoạt động công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ; Thực hiện Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025, xã Hoàn Long mới được thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã Đông Tảo; Hoàn Long, Đồng Than, chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025. Việc hình thành đơn vị hành chính mới tạo ra một không gian phát triển có quy mô lớn hơn, thống nhất về quản lý và mở rộng dư địa để tổ chức phát triển đô thị.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng khi cả hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Hoàn Long nói riêng tập trung cao độ lãnh đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, cùng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030. Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của địa phương có bước phát triển mạnh; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng sang lĩnh vực phi nông nghiệp (công nghiệp, xây dựng, thương mại - dịch vụ chiếm tới 82,9%); đưa tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt hơn 73,2%; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư, nâng cấp; đời sống vật chất và tinh thần của nhân

dân ngày càng được cải thiện. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Hoàn Long từng bước được đầu tư, hoàn thiện. Các tuyến giao thông kết nối liên vùng tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, đi lại của người dân và kết nối với các khu vực phát triển lân cận. Nhiều dự án đầu tư xây dựng, cải tạo giao thông, công trình công cộng và hạ tầng xã hội đã và đang được triển khai.

Với vị trí nằm trong Vùng động lực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, đồng thời thuộc không gian phát triển của đô thị Yên Mỹ và đô thị Khoái Châu - Yên Mỹ, Hoàn Long có vai trò ngày càng rõ trong mạng lưới đô thị của tỉnh. Quy hoạch tỉnh xác định khu vực Khoái Châu - Yên Mỹ là một không gian đô thị lớn, có tính chất đô thị dịch vụ, thương mại, du lịch, công nông nghiệp chất lượng cao và có vai trò kết nối với khu vực phía Nam Thủ đô Hà Nội. Trong cấu trúc này, Hoàn Long cùng với Yên Mỹ, Nguyễn Văn Linh, Việt Yên và các địa phương lân cận như Nghĩa Trụ, Văn Giang tạo thành một không gian phát triển đô thị liên kết, hỗ trợ lẫn nhau về hạ tầng, dịch vụ, việc làm và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh đó, việc lập Đề án công nhận xã Hoàn Long đạt tiêu chí đô thị loại III là cần thiết, nhằm đánh giá một cách toàn diện và khách quan trình độ phát triển hiện tại của địa phương, xác lập rõ vị trí, vai trò của Hoàn Long trong hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên và làm cơ sở cho việc tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tổ chức không gian và nâng cao chất lượng đô thị. Việc công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III đồng thời tạo cơ sở để từng bước chuyển đổi mô hình quản lý phù hợp với thực tiễn phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực có tốc độ đô thị hóa ngày càng cao.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...; qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị Hoàn Long đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III, hướng tới xã là đô thị loại III trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đây cũng là nguồn động viên đối với Đảng bộ và nhân dân xã Hoàn Long nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

a. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây

dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Thông báo số 571-TB/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả rà soát sơ bộ tiêu chuẩn các xã thành lập phường thuộc tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Hoàn Long lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

b. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025.

- Nghị định 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Văn bản số 3659/BXD-PTĐT về việc triển khai Nghị định số 35/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/05/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

Căn cứ Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/03/2026 của Bộ Nội vụ về phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

Căn cứ Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 155/TB-UBND ngày 05/06/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về Kết luận của đồng chí Nguyễn Mạnh Quyền, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc nghe Sở Nội vụ báo cáo một số nội dung, ngày 03/6/2026.

Căn cứ Công văn số 8877/BNV - CQĐP ngày 13/8/2026 của Bộ nội vụ về việc hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026

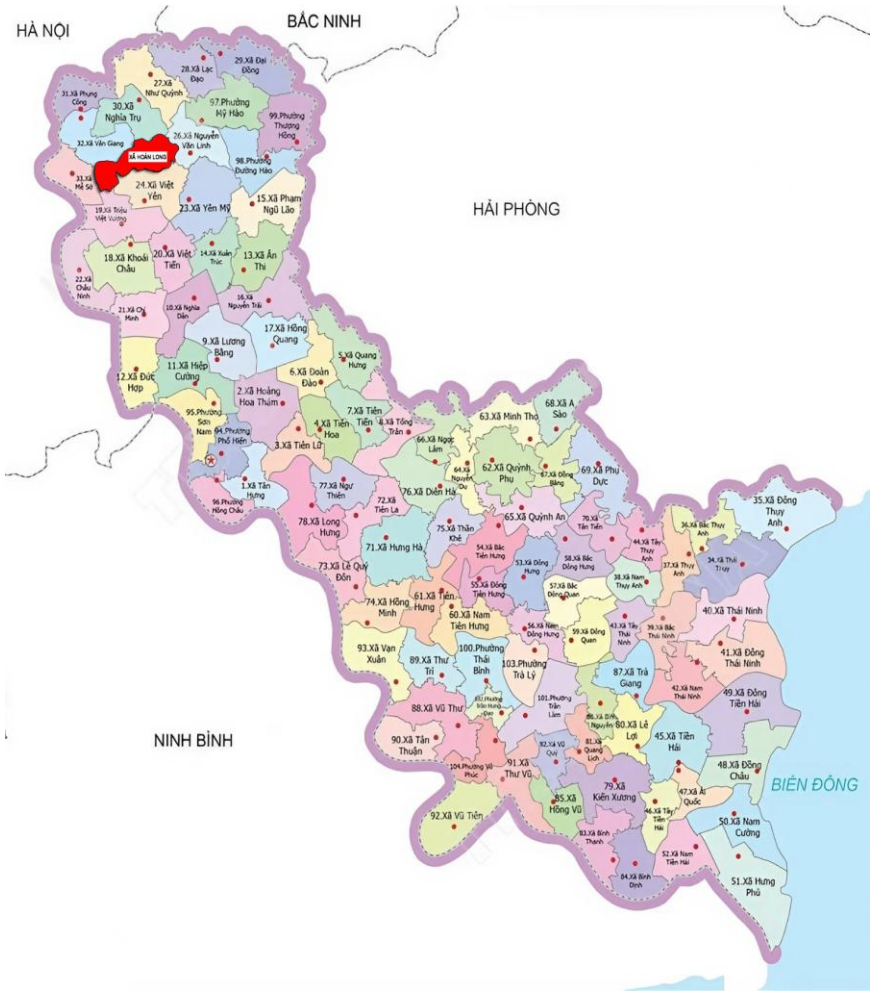
Căn cứ Công văn số 5441/UBND -NC ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026

III. PHẠM VI LẬP ĐỀ ÁN

Đề án công nhận xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số và địa giới hành chính của xã Hoàn Long hiện nay. Với diện tích tự nhiên: 19,58 km², dân số: 33.415 người.

Xã Hoàn Long có vị trí địa lý chiến lược quan trọng, nằm ở khu vực phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, thuộc không gian phát triển của Vùng Thủ đô Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Đây là khu vực có vai trò kết nối giữa trung tâm tỉnh Hưng Yên với Thủ đô Hà Nội, có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực đô thị, thương mại, dịch vụ công nghệ cao và công nghiệp. Xã có diện tích tự nhiên chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên của tỉnh nhưng có mật độ phát triển kinh tế - xã hội cao. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Nguyễn Văn Linh;
- Phía Bắc giáp xã Văn Giang và xã Nghĩa Trụ;
- Phía Tây giáp xã Mễ Sở;
- Phía Nam giáp xã Triệu Việt Vương và xã Việt Yên; thuộc tỉnh Hưng Yên.



Hình 1: Xã Hoàn Long trong tỉnh Hưng Yên

PHẦN II: NỘI DUNG ĐỀ ÁN

****

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1.1. Khái quát Lịch sử hình thành

Hoàn Long là vùng đất có lịch sử hình thành lâu đời trong không gian văn hóa đồng bằng châu thổ sông Hồng. Trên nền đất phù sa màu mỡ, các cộng đồng cư dân nông nghiệp đã sớm quần tụ, hình thành hệ thống làng xã truyền thống gắn với văn minh lúa nước và mạng lưới đình, đền, chùa, miếu đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trong tiến trình lịch sử, khu vực Hoàn Long nằm tại vùng giao thoa giữa các không gian Khoái Châu, Văn Giang và Yên Mỹ, từng thuộc vùng Sơn Nam và sau này thuộc tỉnh Hưng Yên được thành lập năm 1831. Những di sản như đình Đại Hạnh, đình–miếu Tráng Vũ, tín ngưỡng Chử Đồng Tử – Tiên Dung cùng thương hiệu gà Đông Tảo phản ánh chiều sâu văn hóa và bản sắc riêng của vùng đất văn hiến.

1.2. Quá trình thay đổi địa giới hành chính (thế kỷ XX – 2025)

Trong quá trình phát triển, địa bàn xã Hoàn Long đã trải qua nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính gắn với sự thay đổi tổ chức đơn vị hành chính qua các thời kỳ lịch sử.

Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP chia huyện Mỹ Văn thành 03 huyện: Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ và điều chỉnh 05 xã: Minh Châu, Biệt Cường, Yên Phú, Yên Hòa và Hoàn Long thuộc huyện Châu Giang về huyện Yên Mỹ quản lý; chia huyện Châu Giang thánh 02 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Yên Mỹ có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: Giai Phạm, Đồng Than, Ngọc Long, Thanh Long, Nghĩa Hiệp, Liêu Xá, Tân Lập, Trung Hưng, Lý Thường Kiệt, Tân Việt, Trung Hòa, Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa, Hoàn Long và thị trấn Yên Mỹ. Huyện Khoái Châu có 25 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tư, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến và thị trấn Khoái Châu.

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính các cấp năm 2025, khu vực xã Hoàn Long lúc bấy giờ bao gồm khu vực xã Đông Tảo thuộc huyện Khoái Châu và xã Đồng Than, xã Hoàn Long thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp

toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đông Tảo, Đồng Than và Hoàn Long thành xã mới có tên gọi là xã Hoàn Long và tồn tại cho đến ngày nay

1.3. Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội

1.3.1. Kinh tế:

- Về Công nghiệp – Thương mại – Dịch vụ

Với vị trí tiếp giáp các trục giao thông quan trọng như cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, Vành đai 4 vùng Thủ đô, xã Hoàn Long có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và các loại hình dịch vụ đô thị.

Khu vực xã Hoàn Long đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu đổi mới sáng tạo 350 ha, được định hướng phát triển thành hệ sinh thái năng động, tập trung vào các hoạt động nghiên cứu, sản xuất công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và các ngành dịch vụ, công nghiệp phụ trợ; xã đã hình thành và phát triển các cụm công nghiệp tiêu biểu như CCN Đồng Than, CCN Hoàn Long 1&2, góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị hóa.

Ngoài ra, xã có chợ đầu mối nông sản Đông Tảo là nơi tiêu thụ, giao thương nông sản cả vùng phía Bắc của tỉnh hưng Yên; Tri thức dân gian Nuôi và Chế biến gà Đông Tảo đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia tại Quyết định số 1743/QĐ-BVHTTDL ngày 10/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Những yếu tố này góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị hóa.

- Về chuyển dịch cơ cấu lao động:

Quá trình đô thị hóa đã làm giảm dần diện tích đất nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang thương mại, dịch vụ và các ngành nghề phi nông nghiệp. Các hộ dân tiếp tục duy trì một số ngành nghề truyền thống và phát triển mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ, buôn bán nhỏ, vật liệu xây dựng, dịch vụ đô thị và kinh tế hộ gia đình. Những hoạt động này góp phần tạo việc làm, ổn định sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân trong bối cảnh phát triển đô thị nhanh.

1.3.2. Văn hoá – Xã hội

- Về di sản văn hóa:

Xã Hoàn Long là vùng đất có bề dày lịch sử, giàu truyền thống văn hóa của tỉnh Hưng Yên. Trên địa bàn xã hiện có 05 di tích quốc gia được công nhận gồm: Đình Đại Hạnh, Đình Tráng Vũ, Đình Phạm Xá, Chùa An Khánh - Phạm Xá và Đình Xuân Tràng. Hệ thống di tích phong phú gồm đình, chùa, đền, miếu gắn với quá trình hình thành và phát triển của các làng truyền thống.

Các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp và sinh hoạt văn hóa cộng đồng tiếp tục được bảo tồn, duy trì và phát huy. Việc tổ chức các lễ hội thường niên góp phần tăng cường gắn kết cộng đồng, giữ gìn bản sắc văn hóa địa

phương. Trong quá trình đô thị hóa, các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tiếp tục được quan tâm bảo vệ, tôn tạo và khai thác hợp lý, từng bước gắn với phát triển du lịch văn hóa, dịch vụ và giáo dục truyền thống. Đây là lợi thế quan trọng góp phần nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân và thúc đẩy phát triển bền vững của địa phương.

- Về hạ tầng kinh tế - xã hội:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Hoàn Long đã được đầu tư tương đối đồng bộ, từng bước hình thành diện mạo đô thị văn minh, hiện đại. 100% các tuyến đường liên xã, liên thôn và đường nội bộ khu dân cư được bê tông hóa hoặc nhựa hóa, bảo đảm kết nối thuận lợi giữa các khu dân cư, khu đô thị và các trục giao thông chính.

Hệ thống giáo dục được quan tâm đầu tư, các trường học các cấp cơ bản đạt chuẩn quốc gia; cơ sở vật chất ngày càng được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, trong đó có sự phát triển của các cơ sở giáo dục chất lượng cao phục vụ dân cư đô thị.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường; hệ thống cơ sở y tế được đầu tư, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong điều kiện dân số và đô thị hóa ngày càng tăng.

Nhìn chung, sự phát triển đồng bộ về văn hóa, xã hội và hạ tầng kỹ thuật đã góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân xã Hoàn Long, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho quá trình phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại và bền vững trong giai đoạn tới.

1.4. Tầm nhìn và triển vọng

Từ một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, Hoàn Long hôm nay đang chuyển mình mạnh mẽ trở thành ĐVHC có vị trí quan trọng trong tổng thể kinh tế - xã hội của khu vực trung tâm tỉnh Hưng Yên. Việc sáp nhập năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng, mở ra không gian phát triển mới, phát huy hiệu quả các nguồn lực và tạo nền tảng để địa phương bứt phá, hướng tới mục tiêu xây dựng phường Hoàn Long trong tương lai.



Hình 2. Xã Hoàn Long nhìn từ trên cao

II. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THEO QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐƯỢC DUYỆT

1. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch cấp trên được duyệt

Công tác triển khai đầu tư và phát triển không gian đô thị tại xã Hoàn Long thời gian qua đã bám sát tinh thần điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 14/02/2023).

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Hoàn Long nằm ở khu vực trung tâm của Vùng I - Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5B, đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên, đường vành đai 4, ĐT.377, ĐT.379, ĐT.382,… kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên

cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Theo đó, xã Hoàn Long được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

Sau khi thực hiện sáp nhập nguyên trạng địa giới hành chính 03 xã (Đông Tảo, Hoàn Long, Đồng Than) theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025, công tác quản lý xây dựng và triển khai dự án đã được tích hợp toàn diện, tạo ra một chỉnh thể đô thị đồng bộ, tối ưu hóa các nguồn lực hạ tầng.

Hiện nay, địa phương đang tích cực xây dựng và hoàn thiện Đề án thành lập phường Hoàn Long trên cơ sở nguyên trạng địa giới hành chính xã Hoàn Long. Với nền tảng hạ tầng sẵn có từ các dự án chiến lược và sự quyết tâm của chính quyền, Hoàn Long đang thực hiện hóa rất tốt các đáp ứng đủ tiêu chuẩn lên Phường.

b) Về phát triển hạ tầng kỹ thuật khung và liên kết vùng

Mạng lưới giao thông đối ngoại phát triển vượt bậc, biến Hoàn Long thành đầu mối kết nối quan trọng của vùng Thủ đô. Các trục đường huyết mạch gồm: cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, hành lang Vành đai 4 cùng các tuyến liên tỉnh ĐT.379, ĐT.382B đã được đầu tư đồng bộ. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm hóa, chiếu sáng đô thị, thu gom nước thải độc lập giữa khu đô thị mới và khu dân cư hiện hữu được khớp nối an toàn. Tuyến đường Vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội đi qua địa bàn đang được đầu tư xây dựng rầm rộ, Dự án nâng cấp đường ĐT.382B nhánh trái, nhánh phải; Dự án đường nối ĐH.42 - ĐT.381 đã giải phóng mặt bằng đạt 100%.

c) Về thu hút dự án động lực và hạ tầng xã hội cấp vùng

Khu công nghệ cao Hưng Yên đã được thủ tướng chỉnh phủ ban hành quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 6/8/2026 về việc thành lập Khu Công nghệ cao tỉnh Hưng Yên, quy mô 496,1 ha; trong đó Hoàn Long chiếm phần lớn diện tích khoảng 338,7ha. Là khu vực được lựa chọn đầu tư giai đoạn I (2026-2028) với quy mô khoảng 220 ha.

Khu Công nghệ cao được định hướng xây dựng theo mô hình hệ sinh thái công nghệ cao - đổi mới sáng tạo, bao gồm trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), cơ sở đào tạo nhân lực, doanh nghiệp công nghệ cao, dịch vụ hỗ trợ và các ngành công nghiệp phụ trợ. Đây được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng mới của tỉnh và vùng đồng bằng sông Hồng.

Bên cạnh đó, công tác giải phóng mặt bằng tập trung đẩy nhanh, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc các dự án quan trọng cụ thể như: Dự án Cụm công nghiệp Đồng Than, Dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, dự án đấu giá quyền sử dụng đất vị trí số 02 xã Đồng Than cũ. Bên cạnh đó các dự án mở rộng Trường Tiểu học và trường THCS Đồng Than. Các dự án khu đấu giá thôn Đại Hạnh, thôn Chấn Đông (2 vị trí) diện tích khoảng 2,7ha đã thực hiện đầy đủ. Không có tồn đọng, kéo dài về công tác giải phóng mặt bằng.



Hình 3: Khu Công nghệ cao tỉnh Hưng Yên

2. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả xuất sắc, tốc độ đô thị hóa quá nhanh cùng bước ngoặt sáp nhập địa giới theo Nghị quyết 1666/NQ-UBTVQH15 cũng đặt ra một số thách thức kỹ thuật cục bộ:

Áp lực lên hệ thống công cộng cũ: Việc sát nhập quy mô dân số của 3 xã tạo áp lực cục bộ lên hệ thống hạ tầng xã hội cũ của các xã trước sáp nhập như: cơ sở vật chất của 1 số trường học chưa đáp ứng đủ yêu cầu dậy và học; nhà văn hóa thôn, sân thể thao cộng đồng và trạm y tế cơ sở chưa kịp nâng cấp công năng theo chuẩn đô thị nội đô.

Xung đột giao thông nội khu: Vào các dịp cao điểm lễ tết và giao lưu văn hóa trên địa bàn, Công tác đảm bảo an toàn giao thông còn một số điểm còn gây ách tắc cục bộ ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân như điểm chợ Đông Tảo, chợ Đồng Than; tình trạng ngập úng cục bộ tại một số cơ sở thôn khi có mưa bão xảy ra chưa được khắc phục triệt để.

III. ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ LOẠI III QUY ĐỊNH TẠI BẢNG 2A, PHỤ LỤC II CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2025/UBTVQH15

3.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Dựa trên các yếu tố về vai trò, vị trí, tính chất và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đô thị để đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt:

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí của đô thị nhằm đánh giá tầm ảnh hưởng, tính chất chiến lược và chức năng đầu mối của đơn vị hành chính trong hệ thống quy hoạch tổng thể quốc gia,

quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ tiêu này xem xét mức độ tích hợp của địa phương vào mạng lưới đô thị lớn, năng lực lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội và vai trò kết nối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

b. Vị thế chiến lược và định hướng phát triển của xã Hoàn Long

- Vị trí địa lý và vai trò chiến lược của xã Hoàn Long đã được định vị rõ nét tại điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, xã Hoàn Long sở hữu những vị thế cốt lõi mang tầm vóc liên vùng:

- Hạt nhân kinh tế phía Bắc: Hoàn Long được xác định là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên.

- Mô hình đô thị tích hợp đa chức năng: Địa phương được định hướng phát triển không gian theo mô hình tiên tiến: Công nghiệp - Đô thị - dịch vụ - logistic công nghệ cao. Đây là khu vực trọng điểm được lựa chọn để xây dựng tổ hợp khu công nghệ cao của tỉnh Hưng Yên hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, sinh thái, thông minh và thân thiện với môi trường

- Đầu mối liên kết liên vùng: Nằm trên hành lang kinh tế trọng điểm, Hoàn Long là đầu mối giao thông đường bộ, giao lưu thương mại và dịch vụ kỹ thuật quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

- Sự hội tụ của các tuyến giao thông đối ngoại lớn và các thiết chế hạ tầng xã hội cấp vùng (như hệ thống các trường đại học, y tế, sân vận động, trung tâm thương mại lớn) trên địa bàn xã là minh chứng thực tế cho việc hiện thực hóa định hướng chiến lược này của Chính phủ.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Khung chỉ tiêu của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu đô thị phải được xác định rõ chức năng, tính chất và vị thế đầu mối liên vùng trong các đồ án quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được duyệt (Khung điểm tối đa là 7,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với việc được quy hoạch định vị là hạt nhân phát triển tổng hợp và là đầu mối cấp vùng, xã Hoàn Long sở hữu đầy đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn để khẳng định vai trò vị thế đô thị vượt trội, hoàn toàn tương xứng với định hướng nâng cấp lên đô thị loại III.

- Kết luận: Tiêu chuẩn Vai trò, vị trí của xã Hoàn Long được xem xét và đánh giá đạt điểm: ***6,0/7,0 điểm.***

3.1.2. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí đô thị trung tâm:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí đô thị trung tâm nhằm đánh giá thực trạng đầu tư hạ tầng, sự hiện hữu của các cơ quan hành chính đầu mối và năng lực kết nối giao thương của địa phương với tư cách là một hạt nhân kinh tế, xã hội cấp tỉnh hoặc cấp xã.

- Chỉ tiêu này xem xét toàn diện trên các khía cạnh: hệ thống trụ sở hành chính đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật khung cốt lõi, mức độ tập trung của các khu đô thị động lực và sự xuất hiện của các thiết chế y tế, giáo dục, thương mại dịch vụ mang tầm ảnh hưởng liên vùng.

b. Thực trạng hạ tầng kết nối và vai trò trung tâm của xã Hoàn Long

Sau khi thực hiện Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, việc sáp nhập nguyên trạng 03 xã (Đông Tảo, Hoàn Long, Đồng Than) để thành lập xã Hoàn Long mới từ ngày 01/7/2025 đã tạo ra một địa bàn trọng điểm có quy mô diện tích tự nhiên rộng 19,58 km2 và dân số trên 33.415 người, mở ra không gian và dư địa phát triển đô thị khá lớn. Xã Hoàn Long đã thay đổi hoàn toàn từ một khu vực ven đô thuần nông sang hạt nhân đô thị mới. Với vị trí thuận lợi trong việc kết nối vùng, là giao điểm của các trục hành lang kinh tế vành đai (Vành đai 4) và trục cao tốc xuyên tâm (Hà Nội – Hải Phòng). Xã Hoàn Long đóng vai trò đầu tàu trong việc phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên.

- Đánh giá tiêu chuẩn Vai trò, vị trí đô thị trung tâm của xã Hoàn Long đạt điểm tối đa: ***6,0/8,0 điểm.***

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 12/15,0 điểm.***

Bảng 1: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

QUY ĐỊNH				**HIỆN TRẠNG**	
STT	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Điểm**
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**		**11,5-15**		**12**
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung	Cấp tỉnh	7	Xã Hoàn Long có vị trí chiến lược phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp Hà Nội và kết nối thuận lợi với các khu vực	6

	tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông	Cấp xã	5,5	phát triển năng động trong vùng; Địa bàn có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, Vành đai 4 và các tuyến liên tỉnh, tạo lợi thế lớn về liên kết vùng và giao thương; Xã có nhiều dự án động lực cấp vùng như Khu công nghệ cao Hoàn Long, Khu đô thị mới PVF, các cụm công nghiệp Đồng Than, Ngọc Long 1&2, tạo động lực phát triển mạnh mẽ về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, công nghệ cao; Hoàn Long là nơi đặt cơ sở đào tạo của Trường Đại học Công Đoàn, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương	
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối	Cấp tỉnh	8		6
		Cấp xã	6		

3.2. Mức độ đô thị hoá

3.2.1. Tiêu chuẩn: Quy mô dân số đô thị:

a. Cơ sở lý luận và phương pháp xác định

- Quy mô dân số đô thị (P) bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong đô thị do cơ quan công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Quy mô dân số đô thị đối với đô thị đã được công nhận loại đô thị trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong khu vực nội thành, nội thị theo phạm vi đã được xác nhận tại quyết định công nhận loại đô thị.

Công thức tính: $P = N + N_t$

Trong đó:

P: Quy mô dân số đô thị (người);

N: Dân số thường trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người);

N_t: Dân số tạm trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người).

- Tổng dân số đô thị (T) bao gồm quy mô dân số và dân số lưu trú quy đổi trong đô thị.

Công thức tính: $T = P + Q$

Trong đó:

T: Tổng dân số đô thị (người);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người): Dân số lưu trú quy đổi trong

đô thị gồm khách lưu trú du lịch, khách tham gia các hoạt động văn hóa, lịch sử; lao động lưu trú; bệnh nhân và người nhà chăm sóc; lao động giao thương qua lại tại đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền (nếu có) và từ các hoạt động khác.

Công thức tính: $$Q = 2 \times \frac{Q_t \times m}{365}$$

Trong đó:

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người);

Q_t: Số lượng khách lưu trú theo quy định của pháp luật cư trú (lượt);

m: Số ngày lưu trú trung bình của một khách (ngày).

b. Hiện trạng dân số, lao động trên địa bàn xã Hoàn Long

Xã Hoàn Long sở hữu vị thế địa lý thuận lợi, là nơi diễn ra các hoạt động giao thương kinh tế - xã hội năng động, thu hút mạnh mẽ dòng dịch cư cơ học. Nguồn dân số tạm trú và lưu trú tại địa phương chủ yếu là nhân công thời vụ, công nhân xây dựng và các kỹ sư làm việc tại các dự án phát triển đô thị trên địa bàn và các khu vực lân cận. Như vậy, Quy mô dân số toàn đô thị đã tính cả dân số quy đổi năm 2025 là 33.415 người, trong đó dân số thường trú theo số liệu thống kê năm 2025 là 32.620 người, dân số tạm trú quy đổi là 795 người. Đối chiếu với khung điểm tiêu chuẩn đô thị loại III (Thang điểm tối đa là 7,0 điểm, mức tối thiểu đạt điểm là từ 5,5 điểm với quy mô tối thiểu 20.000 dân).

Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số đô thị đạt: ***5,61 /7,0 điểm.***

3.2.2. Tiêu chuẩn: Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên được xác định bằng quy mô dân số đô thị (P) trên diện tích tự nhiên của đô thị.

Công thức tính: $$D = \frac{P}{S}$$

Trong đó:

D: Mật độ dân số (người/km^2);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S: Diện tích đất tự nhiên của đô thị (km^2).

b. Hiện trạng phân bố dân cư

Tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị: đạt 1.706,5 người/km^2 (diện tích tự nhiên của xã là: 1.957,85 ha (19,58 km^2), tổng dân số đã bao gồm quy đổi là 33.415 người) (Xem phụ lục biểu 4);

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với đô thị loại III, yêu cầu mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị tối thiểu phải đạt từ 500 người/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ mức tối thiểu đến tối đa là 4,5 đến 6,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên đạt điểm tuyệt đối: ***6,0 /6,0 điểm.***

3.2.3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị được tính theo công thức sau:

$$K = \frac{E}{E_t} \times 100\%$$

Trong đó:

K: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%);

E: Số lao động của khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ (người);

E_t: Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (người).

Theo thống kê năm 2025, tổng số lao động làm việc ở các ngành kinh tế toàn đô thị (là 17.835 lao động. Trong đó, số lao động phi nông nghiệp là 13.055 lao động, chiếm tỷ lệ 73,2% (*Xem phụ lục biểu 2B)* .

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt ***7,0/7,0 điểm.***

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về mức độ đô thị hoá đạt: 18,61/20,0 điểm.***

Bảng 2: Tính điểm tiêu chí mức độ đô thị hoá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	33,4	5,61
			20	5,5		
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	≥ 1.000	6	1.706,5	6
			500	4,5		
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	73,2%	7

3.3. Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

3.3.1. Về hạ tầng kỹ thuật:

3.3.1.1. Giao thông:

a. Đầu mối giao thông:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đầu mối giao thông của đô thị được xác định dựa trên sự hiện diện và năng lực vận hành của các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối cấp vùng hoặc cấp quốc gia nằm trên địa bàn, bao gồm: cảng hàng không, cảng biển/cảng đường thủy nội địa phân

cấp, cảng cạn (ICD), ga đường sắt hỗn hợp/đường sắt đô thị, bến xe khách liên tỉnh, các nút giao thông liên vùng.

- Hiện trạng tại địa phương: Khu vực xã Hoàn Long hiện có công trình 01 công trình đầu mối giao thông cấp tỉnh được xác định là công trình đầu mối giao thông cấp vùng (xem phụ lục biểu 11)

Đánh giá kết quả: Đối chiếu với khung chỉ tiêu đô thị loại III, chỉ tiêu Đầu mối giao thông của xã Hoàn Long đánh giá đạt: ***4,0/4,0 điểm.***

b. Mật độ đường giao thông đô thị:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Mật độ đường giao thông đô thị được tính bằng tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị.

$$G = \frac{H}{S_1}$$

G: Mật độ đường giao thông đô thị (km/km^2);

H: Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị (km);

S_1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km^2).

- Hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn

Thống kê hệ thống giao thông trên địa bàn, tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị của xã Hoàn Long (bao gồm các tuyến đường tỉnh có chức năng đối ngoại đô thị, đường trục chính và đường liên khu vực đô thị, không tính hệ thống đường ngõ xóm, đường nội bộ có chiều rộng mặt đường dưới 7m) là: 26,4 km; Tổng diện tích đất xây dựng đô thị trên địa bàn xã Hoàn Long là 6,4178 km^2 (xem phụ lục biểu 5: Thống kê cơ cấu sử dụng đất xã Hoàn Long và bảng 10: Thống kê giao thông xã Hoàn Long). Như vậy, mật độ đường giao thông đô thị đạt: 4,11 km/km2.

- Quy định tiêu chuẩn: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về mật độ đường giao thông đối với đô thị loại III là 4,00 km/km² (Khung điểm từ mức sàn đến mức tối đa là 4,0 đến 5,0 điểm).

- Đánh giá thực tế: Mật độ đường giao thông đô thị thực tế của xã Hoàn Long đạt 4,11 km/km².

Đánh giá tiêu chuẩn mật độ đường giao thông đô thị của xã Hoàn Long đạt: ***4,0/ 5,0 điểm.***

3.3.1.2. Cấp, thoát nước và xử lý nước thải:

a. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên quy mô dân số.

- Hiện trạng hệ thống cấp nước tại xã Hoàn Long: Tổng dân số trên địa bàn xã Hoàn Long là 33.415 người, 95% dân số trên địa bàn được dùng nước sạch qua hệ thống

cấp nước sạch của 3 nhà máy nước sạch: nhà máy nước sạch Mỹ Văn, nhà máy nước sạch Yên Phú, nhà máy nước sạch Dạ Trạch) (chi tiết xem phụ lục biểu 11)

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung tối thiểu phải đạt từ 85% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt: ***3,0/3,0 điểm***

b. Mật độ đường cống thoát nước chính: Mật độ đường cống thoát nước chính được tính bằng tổng chiều dài đường cống thoát nước chính trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị.

Tổng chiều dài đường cống thoát nước chính tại xã Hoàn Long đạt 26,4 km; tổng diện tích đất xây dựng đô thị đạt: 6,4178 km2. Như vậy, mật độ đường cống thoát nước chính trên địa bàn đạt: 4,11 km/km2.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, mật độ đường cống thoát nước chính yêu cầu tối thiểu phải đạt từ 3,0 km/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn mật độ đường cống thoát nước chính đạt: ***3,0/3,0 điểm***

c. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng công suất vận hành các trạm xử lý nước thải hiện trạng trên tổng công suất thiết kế các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch.

- Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải tại xã:

Căn cứ các số liệu thống kê theo phụ lục 13: Hiện trạng thu gom, xử lý chất thải, nước thải trên địa bàn xã Hoàn Long. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt: 60 %.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với công suất thiết kế theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 0,75 đến 1,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt: ***0,87/2,0 điểm***

3.3.1.3. Xử lý chất thải rắn:

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

- Hiện trạng công tác thu gom và xử lý chất thải rắn tại xã: Căn cứ số liệu thống kê theo phụ lục biểu 14: Hiện trạng thu gom, xử lý chất thải, nước thải trên địa bàn xã Hoàn Long. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 95%.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tối thiểu phải đạt từ 70% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt điểm tối đa: ***3,0/3,0 điểm***.

3.3.1.4. Nghĩa trang đô thị

a. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch: Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích nghĩa trang nhân dân đã được xây dựng so với quy hoạch.

- Thực trạng và cấu trúc phân bổ hệ thống nghĩa trang tại xã: Tổng diện tích đất nghĩa trang trên địa bàn là 19,28 ha. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch đạt 70%.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch đạt: ***3,0/3,0 điểm***



Hình 4: Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoàn Long

b. Nhà tang lễ: hiện trên địa bàn xã Hoàn Long hiện có dự án nhà tang lễ. *Đánh giá đạt **2,5/3,0 điểm**.*

Bảng 3: Tính điểm tiêu chí hạ tầng kỹ thuật

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
3.1.1	***Giao thông***			***7-9***		***8***
1	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp tỉnh	4
			Cấp xã	3		
2	Mật độ đường giao thông đô thị	km/ km2	6	5	4,11 km/km2	4
			4	4		
3.1.2	***Cấp thoát nước và xử lý nước thải***			***4,75-7***		***6,87***
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	95%	3
			85	2		
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/ km2	≥ 3,5	3	4,11 km/km2	3
			3	2		
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥ 70	1	60%	0,87
			50	0,75		
3.1.3	***Xử lý chất thải rắn***			***2-3***		**3**
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 80	3	95%	3
			70	2		
3.1.4	***Nghĩa trang đô thị***			***4,5-6***		**5,5**
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang	%	≥ 70	3	70%	3

	nhân dân được xây dựng theo quy hoạch		50	2		
2	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 1 Có dự án	3 2,5	Có dự án	2,5

3.3.2. Về Hạ tầng xã hội:

3.3.2.1. Số giường bệnh:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Số giường bệnh là tổng số giường bệnh tại các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa các cấp (không bao gồm trạm y tế cấp xã). Được tính bằng:

Số giường bệnh trên 10.000 dân: (Tổng số giường bệnh/ Tổng số dân) x 10.000

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng y tế tại xã: Tổng số giường bệnh trên địa bàn xã Hoàn Long là 105 giường (chi tiết xem phụ lục biểu 6: Thống kê hệ thống công trình y tế trên địa bàn). Dân số toàn đô thị đạt 33.415 người. Như vậy, chỉ tiêu số giường bệnh/10.000 dân đạt: 31,42 Giường/10.000 dân.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về mức tối thiểu cho chỉ tiêu số giường bệnh bình quân là 30 giường/10.000 dân (Khung điểm đánh giá từ mức sàn đến mức tối đa là 3,75 đến 5,0 điểm).

*Đánh giá tiêu chuẩn số giường bệnh đạt:**4,11/5,0 điểm***

3.3.2.2. Cơ sở giáo dục, đào tạo:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về cơ sở giáo dục, đào tạo nhằm đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ giáo dục cấp đô thị và khả năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng số lượng các cơ sở giáo dục và đào tạo cấp đô thị hiện đang hoạt động trên địa bàn, bao gồm: Các trường Đại học, Học viện, trường Cao đẳng, trường Trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm Dạy nghề, trường Trung học phổ thông (THPT) và các trường phổ thông nhiều cấp học (trong đó có cấp THPT). Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ dân sinh tại chỗ) và không cộng gộp vào chỉ tiêu này.

b. Hiện trạng hệ thống giáo dục và đào tạo tại xã

- Hệ thống giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Hoàn Long hiện nay không chỉ dừng lại ở vai trò bảo đảm an sinh xã hội đơn thuần, mà đã vươn tầm trở thành một hệ sinh thái hạ tầng xã hội hoàn chỉnh, đồng bộ và có tính tích hợp cao. Đây được xem là điểm sáng và là động lực cốt lõi thúc đẩy tiến trình đô thị hóa bền vững của địa phương.

Cơ sở giáo dục, đào tạo bao gồm các trường đại học, cao đẳng, trung học

phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Như vậy, trên địa bàn xã Hoàn Long có 3 cơ sở giáo dục, đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn về phát triển đô thị (chi tiết xem phụ lục biểu 7: Danh mục trường học xã Hoàn Long).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về mức tối thiểu là 1 cơ sở, tối đa ≥ 10 cơ sở (Khung điểm đánh giá từ mức sàn đến mức tối đa là 3,75 đến 5,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn cơ sở giáo dục, đào tạo đạt: ***4,03/5,0 điểm***



Hình 5: Trường THCS Hoàn Long

3.3.2.3. Công trình văn hoá:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình văn hóa nhằm đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống thiết chế văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ tinh thần của cư dân đô thị.

- Các công trình văn hóa cấp đô thị được đưa vào đánh giá bao gồm: thư viện, bảo tàng, không gian triển lãm/nhà trưng bày, nhà hát, rạp xiếc, rạp chiếu phim, trung tâm/nhà văn hóa cấp đô thị, cung thiếu nhi, trung tâm hội nghị, câu lạc bộ, các tổ hợp vui chơi giải trí quy mô lớn, công trình di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công trình kiến trúc có giá trị, tượng đài và các thiết chế văn hóa cấp đô thị khác.

b. Hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa tại xã Hoàn Long

Hạ tầng văn hóa trên địa bàn xã Hoàn Long luôn được chú trọng quan tâm đầu tư, từng bước hiện đại hóa nhằm đáp ứng toàn diện nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Các công trình, cơ sở văn hóa - thể thao tại địa phương không chỉ phục vụ nhu cầu thụ hưởng văn hóa thường xuyên của người dân, mà còn là không gian tổ chức các sự kiện

chính trị, văn nghệ, thể thao quần chúng, và tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Hiện nay qua rà soát, trên địa bàn xã Hoàn Long đang sở hữu khoảng 10 công trình văn hóa cấp đô thị (chi tiết xem phụ lục biểu 15: Thống kê hệ thống các công trình văn hoá trên địa bàn).

	
Hình 6: Đình Tráng Vũ	*Hình 7: Đình Đại Hạnh*

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15).

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá dựa trên số lượng, quy mô và chất lượng các công trình văn hóa cấp đô thị hiện có trên địa bàn, bảo đảm phục vụ tốt cho quy mô dân số tương ứng. Yêu cầu về mức tối thiểu là 2 cơ sở, tối đa ≥ 10 cơ sở (Khung điểm đánh giá từ mức sàn đến mức tối đa là 3,75 đến 5,0 điểm).

Đánh giá tiêu chuẩn công trình văn hoá đạt: ***5,0/5,0 điểm***

3.3.2.4. Công trình thể dục, thể thao:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình thể dục, thể thao cấp đô thị nhằm đánh giá mức độ đồng bộ của hạ tầng phục vụ thi đấu, huấn luyện và các giải đấu quy mô lớn, thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất toàn dân.

- Các công trình được tính toán vào chỉ tiêu này bao gồm: Sân vận động trung tâm, khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu đa năng, bể bơi tiêu chuẩn chuyên dụng, trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị và các thiết chế thể thao lớn khác có chức năng phục vụ liên vùng. Các sân thể thao cơ bản, sân bóng đá mini hoặc cụm tiện ích nội khu nhà ở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ nhu cầu dân sinh tại chỗ) và không được cộng gộp vào chỉ tiêu cấp đô thị này.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thể dục - thể thao tại xã Hoàn Long

Qua rà soát trên địa bàn xã Hoàn Long có 2 công trình thể dục, thể thao đáp ứng yêu chuẩn về phát triển đô thị (chi tiết xem phụ lục biểu 8: Thống kê các công

trình thể dục thể thao xã Hoàn Long).

Đánh giá tiêu chuẩn công trình thể dục, thể thao đạt: ***3,0/4,0 điểm***

3.3.2.5. Công trình thương mại, dịch vụ:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn công trình thương mại, dịch vụ nhằm đánh giá năng lực cung ứng hàng hóa, quy mô giao thương và mức độ phát triển kinh tế nội đô.

- Các công trình được đưa vào tính toán quy đổi cấp đô thị bao gồm: Các trung tâm thương mại, siêu thị lớn, chợ đầu mối, chợ dân sinh được phân cấp (Hạng I, II, III) có ban quản lý hoặc tổ chức điều hành chuyên nghiệp, các tuyến phố thương mại tập trung, cơ sở dịch vụ lưu trú và các cơ sở dịch vụ quy mô lớn khác. Mạng lưới này phải bảo đảm bán kính phục vụ, sự đa dạng về chủng loại mặt hàng và năng lực cung ứng cho toàn bộ cư dân đô thị cũng như khách du lịch.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ tại xã Hoàn Long

Trên địa bàn xã Hoàn Long có 2 công trình đáp ứng yêu chuẩn về phát triển đô thị (chi tiết xem phụ lục biểu 9: Thống kê các công trình dịch vụ thương mại trong khu vực xã Hoàn Long)

Đánh giá tiêu chuẩn công trình thương mại, dịch vụ đạt: ***2,33/3,0 điểm***



Hình 8: Chợ đầu mối Đông Tảo

3.3.2.6. Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người là thước đo tổng hợp về mức độ tiếp cận hạ tầng xã hội của người dân đô thị. Chỉ tiêu này được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng diện tích đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị (bao gồm

các lĩnh vực: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ) chia cho quy mô dân số toàn đô thị.

b. Hiện trạng thực tế tại xã Hoàn Long

- Căn cứ các số liệu được tổng hợp tại các phụ lục biểu 14, 15, 16, 17, 18. Tổng diện tích đất công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị trên địa bàn xã Hoàn Long đạt 316.600 m2. Tổng dân số trên địa bàn xã đạt 33.415 người. Như vậy, chỉ tiêu Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người đạt 9,47 m2/người.

- Nhờ chiến lược quy hoạch đi trước một bước, chủ động dành quỹ đất lớn cho các tổ hợp giáo dục quốc tế, bệnh viện và thiết chế văn hóa, xã Hoàn Long đã tạo ra một không gian hạ tầng công cộng vô cùng lý tưởng. Chỉ số thực tế 9,47 m2/người vượt mức yêu cầu tối thiểu của đô thị loại III.

Đánh giá tiêu chuẩn Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người đạt: ***3,0/3,0 điểm***

Bảng 4: Tính điểm tiêu chí hạ tầng xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số giường bệnh	giường/10.000 dân	≥ 35	5	31,42	4,11
			30	3,75		
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥ 10	5	3	4,03
			1	3,75		
3	Công trình văn hoá	công trình	≥ 10	5	10	5,0
			2	3,75		
4	Công trình thể dục, thể thao	công trình	≥ 5	4	2	3
			2	3		
5	Công trình thương mại, dịch vụ	công trình	≥ 5	3	3	2,33
			2	2		
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	≥ 2	3	9,47	3,0

3.3.3. Về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị:

3.3.3.1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên:

a. Hiện trạng hệ thống không gian xanh công cộng tại xã: Số lượng không gian xanh công cộng là không gian cây xanh công cộng được bảo tồn hoặc xây dựng để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, giao tiếp ngoài trời của cộng đồng dân cư, bảo đảm sự tự do tiếp cận của mọi người, tương ứng với các thể loại công trình như công viên, vườn hoa, sân chơi, quảng trường. Xã Hoàn Long đang triển khai quy hoạch dự án các không gian công cộng, công viên khu vực trung tâm xã để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí của người dân.

b. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô lớn (từ 2,0 ha trở lên) nhằm đảm bảo công năng cấp đô thị tối thiểu phải đạt từ 1 đến 2 khu trên toàn địa bàn (Khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Địa bàn xã Hoàn Long hiện sở hữu 01 khu công viên, không gian xanh công cộng đạt quy chuẩn quy mô diện tích.

Đánh giá tiêu chuẩn Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên ***đạt: 3,0/4,0 điểm****.*

3.3.3.2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá mức độ cân bằng sinh thái và độ phủ mảng xanh toàn diện trên toàn bộ diện tích hành chính của đô thị.

- Chỉ số được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng diện tích các loại hình không gian xanh trên tổng diện tích tự nhiên toàn địa bàn. Cấu trúc không gian xanh bao gồm ba nhóm cốt lõi:

- Không gian xanh tự nhiên: Hệ thống thảm thực vật tự nhiên ven sông Hồng, sông Bắc Hưng Hải, hệ thống mặt nước bãi bồi.

- Không gian xanh bán tự nhiên: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng hoa, cây cảnh chuyên canh.

- Không gian xanh nhân tạo: Hệ thống công viên công cộng, cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly hành lang kỹ thuật, mảng mọc xanh trong các dự án nhà ở và cơ quan.

b. Hiện trạng cấu trúc mảng xanh tại xã Hoàn Long:

Tỷ lệ điện tích không gian xanh (bao gồm diện tích đất cây xanh, mặt nước chuyên dụng và nông nghiệp) trên diện tích tự nhiên trên địa bàn xã Hoàn Long đạt khoảng 67,12%.

Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên đạt: ***3,0/3,0 điểm.***

3.3.3.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị:

Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị được tính bằng tổng diện tích đất công viên, vườn hoa cấp đô thị (không bao gồm đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở) tính trên quy mô dân số. Tỷ lệ này đạt 0,9 m^2/người

Đánh giá tiêu chuẩn Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt: ***0,0/3,0 điểm***

3.3.3.4. Quy chế quản lý kiến trúc:

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đô thị phải có Quy chế quản lý kiến trúc được

duyệt và thời gian triển khai thực tế tối thiểu từ 01 năm trở lên (Khung điểm đánh giá từ 4,0 đến 5,0 điểm).

- Xã Hoàn Long đã có quy chế quản lý kiến trúc, đã thực hiện từ 01 đến 03 năm.

Đánh giá tiêu chuẩn quy chế quản lý kiến trúc đạt: 4,0/5,0 điểm

Bảng 5: Tính điểm tiêu chí kiến trúc, cảnh quan đô thị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên	khu	≥ 4	4	1 khu	3,0
			2	3		
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥ 35	3	67,12%	3
			25	2		
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	≥ 8	3	0,9 m2/người	0
			6	2,5		
4	Quy chế quản lý kiến trúc	quy chế	Đã thực hiện Quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện Quy chế từ 01 đến 03 năm	4
			Đã thực hiện Quy chế từ 01 đến 03 năm	4		

3.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những thành tựu lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 23 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

10 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa gồm: Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên; Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; Đầu mối giao thông; Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; Mật độ đường cống thoát nước chính; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch; Công trình văn hóa; Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người; Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên.

06 tiêu chuẩn đạt mức khá gồm: Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là

trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông; Quy mô dân số đô thị; Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch; Số giường bệnh; Cơ sở giáo dục, đào tạo; Công trình thương mại, dịch vụ.

06 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu gồm: Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối; Mật độ đường giao thông đô thị; Nhà tang lễ; Công trình thể dục, thể thao; Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên; Quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

01 Tiêu chuẩn chưa đạt điểm gồm: Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị.

- ***Kết quả đánh giá, tính điểm đô thị khu vực xã Hoàn Long theo 3 nhóm chỉ tiêu đạt được 85,45 điểm, tổng hợp theo bảng sau:***

Bảng 6: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	12
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	18,61
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	54,84
	Tổng cộng toàn đô thị		**85,45**

Bảng 7: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III xã Hoàn Long

QUY ĐỊNH					HIỆN TRẠNG	
Thứ tự	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Đơn vị tính**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Điểm**
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**12**
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối		Cấp tỉnh	7	Xã Hoàn Long có vị trí chiến lược phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp Hà Nội và kết nối thuận lợi với các khu vực phát triển năng động trong vùng;	6
			Cấp xã	5,5		

	giao thông				Địa bàn có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, Vành đai 4 và các tuyến liên tỉnh, tạo lợi thế lớn về liên kết vùng và giao thương; Xã có nhiều dự án động lực cấp vùng như Khu công nghệ cao Hoàn Long, Khu đô thị mới PVF, các cụm công nghiệp Đồng Than, Ngọc Long 1&2, tạo động lực phát triển mạnh mẽ về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, công nghệ cao; Hoàn Long là nơi đặt cơ sở đào tạo của Trường Đại học Công Đoàn, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương	
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		Cấp tỉnh	8		6
			Cấp xã	6		
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**18,61**
1	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	33,4	5,61
			20	5,5		
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/ km^2	≥ 1.000	6	1706,5	6
			500	4,5		

3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	73,2	7
			55	5,5		
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**54,84**
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,25-25**		**23,37**
3.1.1	***Giao thông***			***7-9***		**8**
1	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp tỉnh	4
			Cấp xã	3		
2	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km^2	6	5	4,11	4
			4	4		
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,75-7***		**6,87**
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	95	3
			85	2		
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ^{2}	≥ 3,5	3	4,11.	3
			3	2		
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥ 70	1	60	0,87
			50	0,75		

3.1.3	***Xử lý chất thải rắn***			***2-3***		**3**
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 80	3	95	3
			70	2		
3.1.4	***Nghĩa trang đô thị***			***4,5-6***		**5,5**
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	≥ 70	3	70	3
			50	2		
2	Nhà tang lễ	Cơ sở	≥ 1	3	Có dự án	2,5
			Có dự án	2,5		
III.2	**Về hạ tầng xã hội**			**18,25-25**		**21,47**
1	Số giường bệnh	giường/ 10.000 dân	≥ 35	5	31,42	4,11
			30	3,75		
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥ 10	5	3 cơ sở	4,03
			1	3,75		
3	Công trình văn hóa	Công	≥ 10	5	10	5

		trình	2	3,75		
4	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	≥ 5	4	2	3
			2	3		
5	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	≥ 5	3	03	2,33
			2	2		
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m²/người	≥ 2	3	9,47	3
			1,5	2		
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11,5-15**		**10**
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	≥ 2	4	1	3
			1	3		
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥ 35	3	67,12	3
			25	2		
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m²/người	≥ 7	3	0,9	0
			6	2,5		
4	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4
			Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4		
Tổng						**85,45**

IV. ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRONG ĐÔ THỊ

4.1. Tiêu chí 1: Vai trò vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

4.1.1. Tỷ lệ tăng dân số:

Tỷ lệ tăng dân số là tỷ lệ tăng dân số hằng năm phản ánh mức tăng, giảm do

tăng tự nhiên và di cư thuần được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm. Năm 2025, tỷ lệ tăng dân số trung bình/ năm đạt: 2,55% (trong đó: 0,9% tăng tự nhiên và 1,65% tăng cơ học).

*Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ tăng dân số đạt:**5,0/5,0 điểm.***

4.1.2. Thu nhập bình quân đầu người:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

Theo quy định pháp lý về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đô thị, thu nhập bình quân đầu người là chỉ tiêu cốt lõi thuộc nhóm trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ tiêu này phản ánh thực chất chất lượng đời sống vật chất của cư dân, năng lực nội sinh của nền kinh tế địa phương và là điều kiện tiên quyết để đánh giá xem xét chuyển đổi mô hình quản lý hành chính từ nông thôn (xã) sang đô thị.

Số liệu tính toán được thu thập, tổng hợp và thẩm định chính thức bởi cơ quan Thống kê chuyên ngành cấp tỉnh, đảm bảo tính pháp lý và độ chính xác quy chuẩn.

b. Thực trạng tại địa phương

Xã Hoàn Long đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Trong những năm qua, bằng nhiều hình thức tỉnh Hưng Yên và Xã Hoàn Long đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động như hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế, phối hợp với các ngành liên quan để xúc tiến việc làm. Theo nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội của toàn xã, đời sống dân cư tiếp tục được cải thiện.

Thu nhập bình quân đầu người của xã không ngừng tăng qua các năm. Thu nhập bình quân đầu người xã Hoàn Long (năm 2025): Đạt 79,5 triệu đồng/người/năm. Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh Hưng Yên (năm 2025): Đạt 78,6 triệu đồng/người/năm. Với mức thu nhập bình quân đầu người thực tế hơn gấp 1,01 lần tỉnh Hưng Yên, xã Hoàn Long đã khẳng định vị thế là một trong những địa phương có tiềm lựcthu nhập ở mức khá trong tỉnh Hưng Yên.

Kết luận: Đối chiếu với các quy định cứng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đô thị loại III, xã Hoàn Long không hoàn thành tiêu chí thu nhập.

*Đánh giá tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người đạt: **4,57/6,0 điểm**.*

4.1.3. Tỷ lệ hộ nghèo:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều là chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ đồng đều trong phát triển kinh tế, năng lực giảm nghèo bền vững và sự tiến bộ xã hội của một đô thị.

Chỉ số này được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ nghèo được xác định theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới trên tổng số hộ dân thường trú và tạm trú quy đổi trên địa bàn. Việc điều tra, rà soát và phê duyệt kết quả phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quy định của Chính phủ và được thẩm định, công bố chính thức bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm.

b. Thực trạng tại địa phương

Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Quan tâm thực hiện đầy đủ các chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; bảo đảm mọi trẻ em đều được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và phát triển toàn diện. Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe trẻ em; bảo đảm 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật, trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận các chính sách trợ giúp xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và bảo vệ theo quy định.

Tăng cường công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, xâm hại trẻ em; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền trẻ em. Tiếp tục vận động các nguồn lực xã hội hóa, xây dựng và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em, Quỹ Khuyến học nhằm hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật, trẻ em vượt khó học giỏi trên địa bàn.

Công tác an sinh xã hội và chăm sóc người cao tuổi: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi và các đối tượng yếu thế trong xã hội. Tăng cường các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn phường.

Kết luận: Nhờ các chính sách an sinh xã hội đồng bộ, xã Hoàn Long hiện không có hộ nghèo, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ nghèo bình quân của tỉnh Hưng Yên. (Chi tiết xem phụ lục biểu 03).

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo đạt: ***4,0/4,0 điểm.***

Ngoài ra xã Hoàn Long còn có điểm cộng tại mục: Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD). *Đánh giá đạt:****0,5 điểm***.

Bảng 8: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển Kinh tế - xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**			**11,5-15**	**3,56**	**14,07**
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,4	5	2,55	5

			1	3,5		
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	≥ 1,2	6	1,01	4,57
			1	4,5		
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0	4
			5	3,5		
	Điểm cộng					
-	*Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)*				*>1*	*0,5*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 14,07 điểm.***

4.2. Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa

4.2.1. Mật độ dân số đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị:

$$\text{Công thức tính: } D_1 = \frac{P}{S_1}$$

Trong đó:

D_1: Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (người/km^2);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S_1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km^2) là đất hiện trạng đã được đầu tư xây dựng các khu chức năng đô thị (gồm cả hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị) bao gồm đất xây dựng các công trình phục vụ các hoạt động dân dụng và đất xây dựng công trình ngoài dân dụng.

Tổng diện tích tự nhiên của xã Hoàn Long sau khi thực hiện sáp nhập là 19,58km2, diện tích xây dựng khu vực phát triển đô thị hiện trạng là 4,35km2, tổng dân số đã bao gồm quy đổi là 33.415 người, trong đó dân số đô thị là 19.137 người. Tiêu chuẩn mật độ dân số toàn đô thị: đạt 4.399 người/km^2.

Đánh giá tiêu chuẩn mật độ dân số đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt ***8,39/10,0*** *điểm.*

4.2.2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch:

Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch là: 67%.

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt 5,54/6,0 điểm.

4.2.3. Tỷ trọng Công nghiệp – xây dựng – dịch vụ:

Theo Báo cáo kinh tế- xã hội xã Hoàn Long năm 2025, tỷ trọng Công nghiệp – xây dựng – dịch vụ là: 87,57% tăng hơn 6,57% so với mục tiêu đề ra trong nghị quyết là 81%. Theo quy định tỷ trọng Công nghiệp – xây dựng – dịch vụ vượt 4% trở lên so với mục tiêu đề ra được điểm tối đa, đạt mục tiêu đề ra được điểm tối thiểu.

*Đánh giá tiêu chuẩn tỷ trọng Công nghiệp – xây dựng – dịch vụ đạt **4,0/4,0 điểm.***

Bảng 9: Tính đếm tiêu chí mức độ đô thị hóa

QUY ĐỊNH					HIỆN TRẠNG	
STT	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Đơn vị tính**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Điểm**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hóa**			**15,5-20**		**17,93**
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	≥ 6.000	10	4399	8,39
			4.000	8		
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥ 75	6	67	5,54
			50	4,5		
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4
			Đạt mục tiêu đề ra	3		

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí mức độ đô thị hóa đạt: 17,93 điểm.***

4.3. Tiêu chí 3: Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

4.3.1. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật:

4.3.1.1. Giao thông:

a). Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị:

Theo quy định: Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa diện tích đất giao thông đô thị và diện tích đất xây dựng đô thị.

Công thức tính: $$A = \frac{B}{S1} \times 100$$

Trong đó:

A: Tỷ lệ diện tích đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (km2);

S1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km2);

Tổng diện tích đất giao thông đô thị là 0.57 km^2. Diện tích đất xây dựng đô thị là 4,35 km^2. Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 13,1%.

Đánh giá đạt 2,22/3,0 điểm.

b). Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Theo quy định: Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người được tính bằng diện tích đất giao thông đô thị trên tổng dân số đô thị. Công thức tính:

$$I = \frac{B}{T}$$

I. Diện tích đất giao thông đô thị bình quân (m^2/người);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (m^2);

T: Tổng dân số đô thị (người)

Diện tích đất giao thông đô thị/dân số đô thị đạt 30 m^2/người, được tính bằng 570.060 m^2 đất giao thông đô thị/19.137 dân số đô thị.

Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

c). Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Theo quy định: Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính là tỷ lệ phần trăm (%) giữa các đoạn đường tính từ đường khu vực trở lên được ngầm hóa đường dây, cáp trên tổng chiều dài đường từ đường khu vực trở lên.

Xã Hoàn Long đang tích cực xây dựng các dự án ngầm hóa đường dây đường cáp trên các tuyến phố chính, tuy nhiên hiện nay chưa có tuyến phố chính nào được ngầm hòa.

Đánh giá chưa đạt: 0/3,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí giao thông đạt: 5,22 điểm.***

4.3.1.2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải:

Tổng dân số đô thị khu vực là 19.137, trong đó:

a). Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Theo quy định: Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người được tính bằng tổng số lít nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 01 ngày đêm trên tổng dân số đô thị.

Năm 2025, tổng số lít nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 01 ngày đêm trên địa bàn là 1.638.940 lít/ng.đ, cấp cho 85,64% dân số đô thị.

*Đánh giá đạt **1,64/2,0 điểm.***

b). Thoát nước chống ngập úng đô thị

Theo quy định: Thoát nước chống ngập úng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng điểm ngập úng (điểm ngập úng là điểm có một trong ba yếu tố sau: có thời gian ngập úng ≥ 01 giờ sau khi dứt mưa hoặc có diện tích ngập ≥ 4.000m2 hoặc độ sâu ngập ≥ 0,3m) được khắc phục trên tổng số điểm ngập úng trên địa bàn trong năm.

Các khu vực đại đô thị trên địa bàn đã được đầu tư hệ thống hạ tầng kĩ thuật riêng biệt. Hệ thống thoát nước được gom vào các hệ thống trục lớn và tận dụng các hồ điều hòa để điều tiết mực nước.

Đối với các khu dân cư hiện hữu, vẫn có vài khu vực trên địa bàn có nguy cơ ngập úng. Tuy nhiên thời gian ngập úng không kéo dài.

*Đánh giá đạt **2,0/2,0 điểm.***

c). Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Theo quy định: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật trên tổng dân số đô thị.

Tỷ lệ dân số đô thị xã Hoàn Long được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 100%.

*Đánh giá đạt **2,0/2,0 điểm**.*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 5,64 điểm***

4.3.1.3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị:

a). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Theo quy định: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được thu gom trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

Hàng ngày, có 18 tấn chất thải rắn sinh hoạt phát thải và 17,5 tấn chất thải rắn sinh hoạt được thu gom. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 97,22%.

*Đánh giá đạt **2,0/2,0 điểm.***

b). Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Năm 2025, có 4.650/4.785 hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn, đạt 97,18%.

*Đánh giá đạt **1,0/1,0 điểm.***

c). Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Theo quy định: Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng hoặc các hình thức táng hiện đại khác trên tổng số ca từ trần.

Xã Hoàn Long nằm trong vùng lõi đô thị phát triển mạnh mẽ. Quá trình phát triển đô thị làm thu hẹp đáng kể quỹ đất nghĩa trang truyền thống (Hung táng, cát tang). Hiện trạng 2025, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa tang tại địa phương đạt 9,5%. Dự tính trong tương lai gần, hình thức hỏa tang sẽ được gia tăng trên địa bàn.

*Đánh giá **đạt 0,86/1,0 điểm**.*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị đạt: 3,86 điểm.***

4.3.1.4. Cấp điện và chiếu sáng công cộng:

a). Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Theo quy định: Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người được tính bằng bình quân tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt trong năm trên tổng dân số đô thị.

Tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt đạt khoảng 21 triệu/Kwh/năm. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 1.126,13 Kwh/người/năm.

*Đánh giá đạt **2,0/2,0 điểm.***

b). Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Theo quy định: Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng chiều dài các đoạn đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng trên tổng chiều dài tuyến đường cấp khu vực, cấp nội bộ trên địa bàn.

Năm 2025, tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng là 95,69%, cơ bản đáp ứng đầu đủ tiêu chí "Sáng – Xanh – Sạch".

*Đánh giá đạt **1,0/1,0 điểm**.*

c). Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Năm 2025, có 29,5 km đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh, chiếm tỷ lệ 84,26%.

*Đánh giá đạt **1,0/1,0 điểm**.*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Cấp điện và chiếu sáng công cộng đạt: 4 điểm.***

4.3.1.5. Hạ tầng viễn thông:

Theo quy định: Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số hộ gia đình có

cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định trên tổng số hộ gia đình.

Năm 2025, khu vực xã Hoàn Long có 3.864/4.784 hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 80,77%.

Đánh giá hạ tầng viễn thông ***đạt 1,51/2,0 điểm****.*

Ngoài ra xã Hoàn Long Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng... *Được cộng* ***0,5 điểm****.*

Tổng điểm hạ tầng viễn thông ***đạt 2,01 điểm.***

**** Kết quả đánh giá tổng tiêu chí về Hạ tầng kỹ thuật đạt: 20,73 điểm.***

4.3.2. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng xã hội:

4.3.2.1. Nhà ở:

- *Diện tích nhà ở bình quân đầu người:* Theo quy định: Diện tích nhà ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T Trong đó:

I: Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m^2 sàn/người);

B: Tổng diện tích sàn nhà ở (m^2);

T: Tổng dân số (người).

Diện tích nhà ở bình quân đầu người xã Hoàn Long đạt 28,22 m^2 sàn/người.

Đánh giá ***đạt 3.05/4,0 điểm****. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 32 m^2 sàn/người được 4 điểm; đạt 28 m^2 sàn/người được 3 điểm).*

- *Nhà ở xã hội*: Theo quy định: Tiêu chí nhà ở xã hội được đánh giá dựa trên số lượng dự án nhà ở xã hội đã đưa vào sử dụng hoặc đang xây dựng trên địa bàn. Trên địa bàn hiện đang triển khai dự án nhà ở xã hội tại thôn Ngân Hạnh với diện tích khoảng 3,7 ha, tổng mức đầu tư xây dựng hơn 1.800 tỷ đồng, dự án nhà ở xã hội tại thôn Đông Tảo Đông có quy mô khoảng 6,48ha, tổng vốn đầu tư hơn 1.927 tỷ đồng, dự án nhà ở cho gia đình lực lượng vũ trang tại xã Hoàn Long với quy mô diện tích khoảng 8,4 ha, tổng vốn đầu tư 2.331 tỷ đồng...

Đánh giá ***đạt 1,5/2,0 điểm****. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 1 dự án được 2 điểm; Đang xây dựng được 1,5 điểm).*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về Nhà ở đạt: 4,55/6,0 điểm.***

4.3.2.2. Công trình công cộng:

- *Đất dân dụng bình quân đầu người:* Theo quy định: Đất dân dụng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất dân dụng trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T Trong đó:

I: Đất dân dụng bình quân đầu người (m2/người);

B: Tổng diện tích đất dân dụng (m2);

T: Tổng dân số (người).

Đất dân dụng bình quân đầu người xã Hoàn Long đạt 54 m^2/người, được tính bằng Tổng diện tích đất dân dụng 1.804.410 m^2/33.415 dân số.

*Đánh giá đạt **3,0/3,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 50 đến 110 m^2/người được 3 điểm; < 50 m^2/người được 2 điểm; > 110 m^2/người được 0 điểm).*

- Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người: Theo quy định: Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở trên tổng dân số.

Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người xã Hoàn Long đạt 3,22 m^2/người, được tính bằng 107.3596,3 m^2 đất đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng /33.415 dân số.

*Đánh giá **đạt 3,22 / 4,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 4,0 m^2/người được 4 điểm; đạt 3,0 m^2/người được 3 điểm).*

- Số trường công lập đạt chuẩn: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tỷ lệ phần trăm các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia.

Hiện nay, tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên là 85,71%, trong đó tỷ lệ đạt chuẩn mức độ 2 là 20%.

*Đánh giá **đạt 3,0/3,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 80% mức 1 trở lên và ít nhất 20% mức 2 được 3 điểm; Đạt 60% mức 1 trở lên được 2,5 điểm).*

- Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số: Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống trường tiểu học công lập so với quy mô dân số trên địa bàn. Hiện tại, mạng lưới trường tiểu học công lập trên địa bàn xã Hoàn Long đang đáp ứng tỷ lệ 01 trường / 8000 người.

*Đánh giá đạt **2,5/3,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Đáp ứng 01 trường/6.000 người được 3 điểm; Đáp ứng 01 trường/8.000 người được 2,5 điểm).*

- Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân: Theo quy định: Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân tính trên người đạt 2,86 m^2/người, được tính bằng 95.566,9 m2 đất /33.415 dân số.

*Đánh giá đạt **3,0 / 3,0 điểm.** (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 2,0 m2/người được 3 điểm; đạt 1,8 m2/người được 2 điểm).*

- Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân: Theo quy định: Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân xã Hoàn Long đạt 2,9 m2/người, được tính bằng 96.903,5

m2 đất /33.415 dân số.

*Đánh giá đạt **3,0 / 3,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 1,5 m2/người được 3 điểm; đạt 1,0 m2/người được 2 điểm).*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về Công trình công cộng đạt: 17,72/19,0 điểm.***

4.3.3. Nhóm tiêu chuẩn không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

4.3.3.1. Không gian đô thị:

- *Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người:* Theo quy định: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T.

Trong đó:

I: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người (m2/người);

B: Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng (m2);

T: Tổng dân số (người).

Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người xã Hoàn Long đạt 2,1 m2/người, được tính bằng 70.171,5 m^2 đất cây xanh sử dụng công cộng/33.415 dân số.

*Đánh giá đạt **1,55/2,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 3 m2/người được 2 điểm; đạt 2 m2/người được 1,5 điểm).*

- Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m2 trở lên: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các khu không gian xanh công cộng (công viên, vườn hoa, quảng trường...) có quy mô diện tích từ 2.000 m2 trở lên hiện có trên địa bàn. Hiện nay, trên địa bàn xã Hoàn Long có 1 khu không gian xanh công cộng đạt quy mô từ 2.000 m2 trở lên.

*Đánh giá đạt **1,5/2,0 điểm.** (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 5 khu được 2 điểm; có 1 khu được 1,5 điểm).*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về Không gian đô thị đạt: 3,05/4,0 điểm.***

4.3.3.2. Kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- *Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:* Theo quy định: Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số tuyến phố (hoặc chiều dài tuyến phố) được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị trên tổng số tuyến phố (hoặc tổng chiều dài) của đô thị.

Hiện nay khu vực xã Hoàn Long tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị chưa đạt yêu cầu tối thiểu.

*Đánh giá chưa đạt: **0/2,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 40% được 2 điểm; đạt 20% được 1,5 điểm).*

- *Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các công

trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công nhận và đang được thực hiện công tác bảo vệ, gìn giữ, tôn tạo trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn có 6 công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ.

*Đánh giá đạt **1,0/1,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 3 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).*

- *Công trình xanh:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên số lượng các công trình trên địa bàn đã được đánh giá và cấp chứng nhận là "Công trình xanh" (đáp ứng các tiêu chuẩn về sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và thân thiện với môi trường).

Hiện nay, trên địa bàn không có công trình xanh.

*Đánh giá đạt **0,0/1,0 điểm**. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 2 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).*

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về Kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt: 1,0/4,0 điểm.***

4.3.3.3. Quản trị đô thị:

- *Kế hoạch phát triển đô thị:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá việc địa phương đã lập, phê duyệt và ban hành Kế hoạch phát triển đô thị hay chưa, làm cơ sở để đầu tư và quản lý phát triển đô thị.

Hiện nay, địa phương chưa có Kế hoạch phát triển đô thị.

*Đánh giá đạt **0/1,0 điểm.***

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 62,5 %.

*Đánh giá đạt **2,0/2,0 điểm.***

- *Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch*: Theo quy định: Tiêu chí được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng (hoặc chiều dài) các tuyến phố chính đã được cải tạo, chỉnh trang hoàn thành trong thực tế so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch đạt 85,71%.

*Đánh giá đạt **0,85/1,0 điểm.***

- *Quản lý phát triển đô thị thông minh:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ triển khai các đề án, dự án hoặc hạng mục thuộc chương trình phát triển đô thị thông minh (ví dụ: Trung tâm điều hành thông minh IOC, hệ thống camera giám sát an ninh giao thông, ứng dụng công dân số...).

Hiện nay, địa phương chưa có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh.

*Đánh giá đạt **0/1,0 điểm.***

- *Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát, đo lường sự

hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cung cấp dịch vụ công trên địa bàn.

Qua khảo sát, mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị đạt 97,5 %.

*Đánh giá đạt **2,0/2,0 điểm**.*

Điểm cộng:

Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất. Trên địa bàn có 1 vụ. ***Đạt 0,5 điểm.***

Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất. ***Đạt 0,5 điểm***.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về Quản trị đô thị đạt: 5,85/7,0 điểm.***

**** Kết quả đánh giá tiêu chí về Không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt: 9,9/15 điểm.***

4.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những thành trình độ tương với đô thị trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 37 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

- **18 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa** gồm các tiêu chuẩn về: Tỷ lệ tăng dân số, Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều); Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người; Thoát nước chống ngập úng đô thị, thoát nước chống ngập úng đô thị; Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom; Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn; Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người; Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng; Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh; Đất dân dụng bình quân đầu người; Số trường công lập đạt chuẩn; Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số; Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số; Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị.

- **11 tiêu chuẩn đạt mức khá** gồm các tiêu chuẩn về: Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố; Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị; Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện

trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị; Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị; Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người; Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng; Diện tích nhà ở bình quân đầu người; Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người; Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người; Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch.

• **03 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu** gồm các tiêu chuẩn về: Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số; Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m 2 trở lên; Nhà ở xã hội.

• **05 tiêu chuẩn chưa đạt điểm** gồm các tiêu chuẩn về: Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính; Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị; Công trình xanh; Kế hoạch phát triển đô thị; Quản lý phát triển đô thị thông minh.

Kết quả đánh giá, tính điểm trình độ phát triển đô thị khu vực xã Hoàn Long theo 3 nhóm tiêu chí đạt được 84,9 điểm, tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 10: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	14,07
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	17,93
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	52,9
	Tổng cộng toàn đô thị		**84,9**

Bảng 11: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn trình độ phát triển theo tiêu chí đô thị đô thị loại III xã Hoàn Long

Thứ tự	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**			**11,5-15**	**3,56**	**14,07**
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,4	5	2,55	5
			1	3,5		
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	≥ 1,2	6	1,01	4,57
			1	4,5		
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0	4
			5	3,5		
	Điểm cộng					

-	Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)				>1	0,5
-	Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn					
-	Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội*					
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hóa**			**15,5-20**		**17,93**
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	≥ 6.000	10	4.399	8,39
			4,000	8		
			> 25.000			
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥ 75	6	67	5,54
			50	4.5		
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4
			Đạt mục tiêu đề ra	3		
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**			**48-65**		**52,9**
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,5-25**		**20,73**
3.1.1	***Giao thông***			***6,5-9***		**5,22**
1	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	≥ 17	3	13,1	2,22
			12	2		
2	Diện tích đất giao	m²/người	≥ 9	3	30	3

	thông đô thị bình quân đầu người		7	2		
3	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	≥ 50	3	0	0
			40	2.5		
	Điểm cộng					
-	Có hệ thống giao thông ngầm					
-	Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính					
-	Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp					
	100% tuyến đường chính có giao thông công cộng					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về giao thông*					
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,5-6***		**5,64**
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	85.64	1.64
			80	1.5		
2	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	≥ 50	2	>50	2
			25	1.5		
3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 35	2	100	2
			20	1.5		
	Điểm cộng					
-	Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt					

	biển,...					
-	Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi					
-	Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*					
3.1.3	***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***			***3-4***		**3,86**
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	2	97,22	2
			80	1.5		
2	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	≥75	1	97,18	1
			50	0,75		
3	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 15	1	9,5	0,86
			5	0,75		
	Điểm cộng					
-	Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp					
-	Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 %					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*					
3.1.4	***Cấp điện và chiếu***			***3-4***		**4**

	sáng công cộng					
1	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1.000	2	1126,13	2
			400	1,5		
2	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	≥ 95	1	95,69	1
			80	0,75		
3	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	≥ 50	1	84,26	1
			15	0.75		
3.1.5	***Hạ tầng viễn thông***			***1,5-2***		**2.01**
1	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100	2	80.77	1.51
			80	1.5		
	Điểm cộng					
-	Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)					0.5
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng viễn thông*					
III.2	**Về hạ tầng xã hội**			**18,5-25**		**22,77**
3.2.1	***Nhà ở***			***4,5-6***		**4,55**
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m^2 sàn/người	≥ 32	4	28,22	3,05
			28	3		
2	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	Đang xây dựng	1,5
			Đang xây dựng	1.5		
	Điểm cộng					
-	Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000					

	người)					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Nhà ở*					
3.2.2	***Công trình công cộng***			***14-19***		**17,72**
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	50 đến 110	3	54	3
			< 50	2		
			> 110	0		
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m²/người	≥ 4,0	4	3,22	3,22
			3	3		
3	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	85,71% mức 1, >20% đạt mức	3
			60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2.5		
4	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3	Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5
			Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5		
5	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	≥ 2,0	3	2,86	3
			1.8	2		
6	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp	m²/người	≥ 1,5	3	2,9	3
			1	2		

	đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số					
	Điểm cộng					
-	100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên					
-	Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Công trình công cộng*					
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11-15**		**9,9**
3.3.1	***Không gian đô thị***			***3-4***		**3,05**
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	≥ 3	2	2,1	1,55
			2	1,5		
2	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	Số khu	≥ 5	2	1	1,5
			1	1,5		
	Điểm cộng					
-	Không gian xanh công cộng được xây dựng trên cao					
-	Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về không gian đô thị*					

3.3.2	***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***			***3-4***		**1**
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 40	2	0	0
			20	1,5		
2	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	≥ 3	1	6	1
			1	0,75		
3	Công trình xanh	Công trình	≥ 2	1	0	0
			1	0,75		
	Điểm cộng					
-	Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị					
-	Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị					
-	Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế					
-	Có di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa vật thể, các khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ					
-	Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị, kiến trúc công nghiệp					
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị*					
3.3.3	***Quản trị đô thị***			***5-7***		**5,85**
1	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	Không có	0
			Có kế hoạch	0.5		

2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥ 60	2	62,5	2
			35	1.5		
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100	1	85,71%	0,85
			75	0.75		
4	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	Không có	0
			Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0.75		
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	≥ 95	2	97,5	2
			90	1.5		
	Điểm cộng					**1**
	Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất				1	0,5
	Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				1	0,5
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị*					
	Tổng					**84,9**

V. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

5.1 Quan điểm triển khai kế hoạch

Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị xã Hoàn Long trong giai đoạn tiếp theo được xây dựng và thực thi dựa trên các quan điểm chỉ đạo xuyên suốt sau:

1. Tuân thủ tuyệt đối quy hoạch, phát triển đô thị có kỷ cương, phát triển không gian và hạ tầng đô thị phải bám sát tinh thần Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024, Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 và các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khác trên địa bàn xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên đã được phê duyệt. Kiên quyết quản lý đô thị bằng pháp luật và công cụ quy hoạch; chấm dứt hoàn toàn tình trạng xây dựng tự phát hoặc điều chỉnh quy hoạch cục bộ làm phá vỡ cấu trúc không gian xanh - thông minh đã định hình.

2. Phát triển đô thị nén sinh thái: Hài hòa giữa hiện đại và bảo tồn bản sắc

Đô thị hóa tại Hoàn Long không đồng nghĩa với việc xóa bỏ quá khứ để xây dựng các khối bê tông vô cảm.

Bảo tồn bản sắc: Giữ gìn và tích hợp cấu trúc làng cổ, không gian truyền thống (Hoàn Long, Đông Tảo, Đồng Than) vào lòng đô thị, hiện thực hoá các tuyến đường hoa trong khu dân cư, biến các dải đất canh tác cũ thành các vành đai đệm sinh thái xanh, bảo đảm tỷ lệ phủ xanh toàn xã đạt trên 35%.

3. Lấy chất lượng sống của người dân làm thước đo; hạ tầng đi trước một bước

Mục tiêu cuối cùng của việc nâng cấp đô thị là phục vụ con người. Kế hoạch ưu tiên phân bổ nguồn lực để "tiệm cận hóa" chất lượng hạ tầng, đưa các dịch vụ tiện ích đô thị (nước sạch, điện ngầm, thoát nước độc lập, chiếu sáng, an ninh) vào sâu trong các lõi khu dân cư cũ. Phát triển đô thị phải đi đôi với an sinh xã hội, bảo đảm duy trì bền vững chỉ tiêu 0% hộ nghèo đa chiều và nâng cao năng lực thụ hưởng các thiết chế văn hóa, giáo dục quốc tế trên địa bàn cho nhân dân.

4. Khớp nối, đồng bộ toàn diện không gian sau sáp nhập

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xóa bỏ tư duy quản lý manh mún, địa giới cũ. Nhìn nhận và quản lý xã Hoàn Long mới như một chỉnh thể đô thị thống nhất rộng 19,58 km². Tập trung nguồn lực xử lý dứt điểm các "điểm nghẽn" về khớp nối giao thông, bến bãi logistics và xử lý môi trường tại vùng giáp ranh giữa các xã cũ, tạo mạch dòng chảy kinh tế thông suốt từ vùng bãi ra các trục đối ngoại quốc gia.

5. Đột phá bằng công nghệ số và đa dạng hóa nguồn lực xã hội hóa

Xây dựng mô hình “Chính quyền đô thị” hiện đại trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý hành chính công và trật tự xây dựng. Tập trung nguồn vốn ngân sách kết hợp khơi thông, đa dạng hóa các nguồn lực xã hội hóa

theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, doanh nghiệp đồng hành" nhằm ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung cốt lõi, tạo động lực chỉnh trang và nâng tầm diện mạo đô thị văn minh, hiện đại.

5.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

5.2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng đô thị Hoàn Long trở thành đô thị văn minh, hiện đại, phát triển bền vững xứng tầm với khu vực trung tâm của Vùng I – Vùng động lực phía Bắc trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, văn hóa, thể thao và công nghiệp công nghệ cao của khu vực phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên; phát huy hiệu quả lợi thế vị trí địa lý, hạ tầng giao thông, các khu đô thị hiện đại, khu công nghiệp công nghệ cao và các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của địa phương đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5B, đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên, đường vành đai 4, ĐT.377, ĐT.379, ĐT.382, … kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng...

Khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III làm tiền đề để xã Hoàn Long chuyển đổi thành công sang mô hình "Chính quyền đô thị", trở thành hạt nhân động lực phát triển kinh tế - xã hội phía Bắc của tỉnh Hưng Yên. Tập trung phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống của Nhân dân; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử với 05 di tích quốc gia được công nhận gồm: Đình Đại Hạnh, Đình Tráng Vũ, Đình Phạm Xá, Chùa An Khánh - Phạm Xá và Đình Xuân Tràng, truyền thống cách mạng; giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương gắn với phát triển du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng chính quyền đô thị hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt Nhân dân và doanh nghiệp.

Phấn đấu xây dựng Hoàn Long trở thành một trong những đô thị phát triển năng động, có chất lượng sống cao, đóng vai trò là cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo gắn với khu đổi mới sáng tạo 350 ha, được định hướng phát triển thành hệ sinh thái năng động, tập trung vào các hoạt động nghiên cứu, sản xuất công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và các ngành dịch vụ, công nghiệp phụ trợ; xã có chợ đầu mối nông sản Đông Tảo là nơi tiêu thụ, giao thương nông sản cả vùng phía Bắc của tỉnh hưng Yên; Tri thức

dân gian Nuôi và Chế biến gà Đông Tảo đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia tại Quyết định số 1743/QĐ-BVHTTDL ngày 10/6/2025.

5.2.2. Chỉ tiêu cụ thể nâng cao chất lượng đô thị

- Ban hành và áp dụng 100% Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị
- Đạt 100% diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch
- 100% trục đường liên thôn được nhựa hóa, có vỉa hè và camera giám sát
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 100%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 99%.
- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đến năm 2030 đạt 100%.
- 100% nước thải sinh hoạt khu dân cư cũ được thu gom, xử lý độc lập
- 100% nhà văn hóa Tổ dân phố đạt chuẩn đô loại III
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 129 triệu đồng/người/năm
- Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã bình quân giai đoạn 2025-2030 là 12,8%.
- Duy trì bền vững 0% hộ nghèo và cận nghèo đa chiều.

5.3. Kế hoạch và giải pháp triển khai

➢ Hoàn thiện quy hoạch, thể chế và công cụ quản lý kiến trúc đô thị: Tích hợp quy định quản lý của các đồ án quy hoạch hiện hành thành một bộ Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị Hoàn Long thống nhất. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp xã và Sở Xây dựng hoàn thiện hồ sơ pháp lý, trình UBND tỉnh phê duyệt ngay trong kỳ kế hoạch đầu tiên. Định hình rõ nét các phân khu chức năng, kiểm soát chặt chẽ chỉ giới, cốt nền xây dựng, giữ điểm tiêu chuẩn Quy chế quản lý kiến trúc ở mức điểm tuyệt đối (5,0/5,0 điểm).

➢ Đột phá hạ tầng kỹ thuật khung và giải quyết xung đột giao thông:

Đầu tư quỹ đất quy hoạch: Tập trung giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư để hoàn thiện nốt quỹ đất quy hoạch còn lại, ưu tiên bố trí cho các công trình hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng tiện ích.

Xử lý điểm nghẽn giao thông: Đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục xã theo quy hoạch được duyệt, để khắc phục điểm nghẽn tại đây khi lưu lượng phương tiện gia tăng nhanh. Tổ chức phân luồng giao thông, xoá bỏ các điểm họp chợ tự phát, bổ sung các điểm quay đầu xe hợp lý nhằm giảm xung đột giao thông.

Ứng dụng giải pháp thông minh: Thiết lập hệ thống camera giám sát giao thông thông minh tại các nút giao trọng điểm, điều hướng phân luồng xe tải trọng lớn vào các khung giờ cao điểm lễ Tết để chấm dứt tình trạng ùn ứ cục bộ.

➢ Khớp nối đồng bộ hạ tầng môi trường và nâng cấp tiện ích công cộng

Khớp nối hạ tầng ngầm: Triển khai dự án nâng cấp hệ thống thoát nước

mưa, tách biệt hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư hiện hữu.

Hiện đại hóa thiết chế văn hóa - thể thao: Sử dụng nguồn ngân sách và quỹ vốn xã hội hóa để cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa thôn cũ sau sáp nhập thành các trung tâm sinh hoạt cộng đồng đa năng của xã. Đầu tư lắp đặt các thiết bị thể thao ngoài trời, tối ưu hóa các dải đệm xanh sẵn có để phục vụ cư dân.

Phát huy nguồn lực tri thức cấp vùng: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, công tác xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng phòng học bộ môn, mua sắm trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học.

- Phát triển kinh tế đô thị và an sinh xã hội bền vững

Phát triển thương mại - dịch vụ nén: Triển khai các tuyến phố thương mại tại các khu vực đô thị tập trung để phát triển các loại hình dịch vụ cao cấp: tài chính, ngân hàng, ẩm thực, logistics, trung tâm thương mại và vui chơi giải trí. Chú trọng phát triển kinh tế số, thương mại điện tử và xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, nhất là hàng hóa nông sản; Tập trung xây dựng các tour, tuyến du lịch liên vùng theo định hướng tham quan các di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia, cấp tỉnh, và các làng nghề truyền thống trong khu vực phấn đấu phát triển du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tỷ trọng lớn vào quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã.

Bảo đảm an sinh xã hội: Duy trì nghiêm túc chính sách trợ giúp đa chiều, hỗ trợ nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội để bảo đảm chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giữ vững ở mức lý tưởng (0%). Phong trào đền ơn đáp nghĩa và thực hiện các chính sách ưu đãi người có công được quan tâm thực hiện đúng, đủ. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và thân nhân liệt sỹ, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết được thực hiện kịp thời. Công tác xét duyệt các đối tượng hưởng bảo trợ xã hội được thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch, đúng đối tượng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng, bảo trợ xã hội đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

5.4. Các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị

5.4.1. Kế hoạch nâng cao các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III

Căn cứ các nội dung rà soát, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn tại phụ lục II Bảng 2A, 2B nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị. Tổng hợp các tiêu chí, tiêu chuẩn như sau:

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị loại III:

- Có 10 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa;
- Có 6 tiêu chuẩn đạt điểm mức khá;
- Có 6 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu;
- Có 1 tiêu chuẩn chưa đạt điểm.

2. Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị:

- Có 18 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa;
- Có 11 tiêu chuẩn đạt điểm mức khá;
- Có 3 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu;
- Có 5 tiêu chuẩn chưa đạt điểm.

3. Định hướng và giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo

Để hoàn thiện toàn diện hồ sơ nâng cấp đô thị loại III, địa phương tập trung triển khai các nhóm giải pháp chiến lược sau:

a) Giai đoạn I (2026 - 2027): Chuẩn hóa pháp lý, đồng bộ hạ tầng kết nối và cải tạo an sinh xã hội cơ sở: Trọng tâm giai đoạn này là kiện toàn bộ máy quản lý, xử lý các điểm nghẽn giao thông do tốc độ tăng trưởng phương tiện tăng nhanh và nâng cấp các thiết chế văn hóa cũ nhằm giảm khoảng cách chất lượng sống giữa khu dân cư hiện hữu và các khu đô thị mới.

Công tác quy hoạch, quản lý kiến trúc và thể chế:

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hoàn Long nhằm quản lý chặt chẽ không gian xây dựng dọc các trục đường chính và các khu vực giáp ranh các dự án.

- Đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết (1/500) các khu đất dịch vụ và các khu dân cư hiện hữu cần cải tạo chỉnh trang. Hoàn thiện quỹ đất quy hoạch còn lại. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tái định cư phục vụ triển khai các dự án đầu tư công trên địa bàn… và các dự án khu công nghiệp, khu đô thị, khu nhà ở xã hội, cơ sở giáo dục, đào tạo… và hoàn thiện đầu tư hạ tầng đối với đất xây dựng đô thị còn lại theo đúng tiến độ của kịch bản quy hoạch phân khu nhằm đưa tỷ lệ đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch đạt ngưỡng 100%.

Hạ tầng giao thông và xử lý xung đột:

- Tập trung nguồn vốn ngân sách xử lý dứt điểm các tuyến đường, nút giao thường xuyên xảy ra xung đột giao thông.

- Cải tạo, nâng cấp, thảm nhựa hóa và đồng bộ hệ thống thoát nước các tuyến đường liên thôn, liên xã đảm bảo mặt cắt đường theo tiêu chuẩn đô thị.

Hạ tầng xã hội và văn hóa: Tập trung nguồn lực nâng cấp, mở rộng và bổ

sung trang thiết bị cho các nhà văn hóa cũ tại các thôn đảm bảo diện tích và công năng phục vụ cộng đồng khi mật độ dân số tăng nhanh.

b) Giai đoạn II (2028 - 2030): Đột phá hạ tầng kỹ thuật ngầm, tăng tốc lấp đầy quy hoạch và hoàn thiện tiêu chí Phường văn minh

Trọng tâm giai đoạn này là hiện đại hóa hạ tầng đô thị theo chiều sâu, thúc đẩy kinh tế đô thị và hoàn thiện các tiêu chuẩn chất lượng hướng tới đô thị loại III.

Khớp nối hạ tầng kỹ thuật ngầm và công nghệ số:

- Triển khai dự án khớp nối toàn diện hạ tầng kỹ thuật ngầm (ngầm hóa mạng lưới đường dây cấp điện, cáp viễn thông) tại các khu dân cư cũ, đảm bảo đấu nối đồng bộ với hạ tầng ngầm hiện đại của các khu đô thị mới xung quanh.

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý hành chính công, quản lý trật tự xây dựng, đất đai thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu số; ứng dụng công nghệ trong phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt.

Phát triển không gian và lấp đầy quy hoạch:

- Thu hút, thúc đẩy các nhà đầu tư triển khai xây dựng, phấn đấu lấp đầy 100% quỹ đất xây dựng theo các đồ án Quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất xen kẹt để phát triển các dự án thương mại, dịch vụ, nhà ở thương mại và không gian xanh công cộng.

5.4.2. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu nhằm xây dựng đô thị Hoàn Long đạt tiêu chuẩn đô thị loại III

- Việc xác định các dự án trên địa bàn đô thị Hoàn Long cần đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, chương trình, dự án, kế hoạch và phù hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đảm bảo sau khi xây dựng các dự án, điểm đô thị Hoàn Long sẽ đạt tối thiểu trên điểm tiêu chuẩn về phân loại đô thị (>75 điểm)

Bảng 12. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Thứ tự	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		**85,45**		**92,34**
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**	**15**	**12**		**12**
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu	7	6	-	6

	mối giao thông				
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối	8	6	-	6
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**	**20**	**18,61**		**18,61**
1	Quy mô dân số đô thị	7	5,61		5,61
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	6	6	-	6
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	7	7	-	7
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**	**65**	**54,84**		**61,73**
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**	**25**	**23,37**		**24,87**
3.1.1	***Giao thông***	***9***	**8**		**9**
1	Đầu mối giao thông	4	4	Quy hoạch xây dựng các bến bãi đỗ xe tĩnh, bãi đỗ xe công cộng thông minh bám dọc trục giao thông huyết mạch để nâng cao khả năng tiếp nhận, trung chuyển hàng hóa, logistics liên vùng	4
2	Mật độ đường giao thông đô thị	5	4	Tăng mật độ đường giao thông đô thị	5
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***	***7***	**6,87**		**6,87**
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	3	3		3
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	3	3	-	3
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	1	0,87		0,87
3.1.3	***Xử lý chất thải rắn***	**3**	**3**		**3**
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	3	3	-	3
3.1.4	***Nghĩa trang đô thị***	***6***	**5,5**		**6**
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	3	3	Đẩy mạnh đề án đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ hiện trạng, đưa vào phân khu nghĩa trang tập trung có dải cây xanh cách ly đạt chuẩn môi trường	3
2	Nhà tang lễ	3	2,5	Sử dụng công trình nhà tang lễ liên vùng, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và đáp ứng 100% nhu cầu của cư dân đô thị trong tương lai.	3
III.2	**Về hạ tầng xã hội**	**25**	**21,47**		**22,36**

1	Số giường bệnh	5	4,11	Kêu gọi, thu hút đầu tư các Bệnh viện đa khoa tư nhân trên địa bàn nhằm tăng quy mô giường bệnh, đảm bảo đáp ứng tối thiểu 35 giường/10.000 dân	5
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	5	4,03		4,03
3	Công trình văn hóa	5	5		5
4	Công trình thể dục, thể thao	4	3	Bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng thêm tối thiểu 01 công trình thể dục thể thao cấp đô thị, bảo đảm bán kính phục vụ dân sinh và đáp ứng 100% nhu cầu rèn luyện sức khỏe của cư dân đô thị trong tương lai	3
5	Công trình thương mại, dịch vụ	3	2,33	-	2,33
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	3	3	-	3
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**	**15**	**10**		**14,5**
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	4	3	Bố trí quỹ đất cho không gian xanh sử dụng công cộng đạt quy mô tối thiểu 2ha	4
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	3	3	-	3
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	3	0	Tăng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng bằng cách bố trí thêm đất công viên, vườn hoa đảm bảo đạt chỉ tiêu tối thiểu 6m2/người	2,5
4	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	5	4	Hướng tới việc thực hiện trên 3 năm các quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn phường, quy định tường minh về chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và tầng cao kiến trúc để hoàn thiện quy chế đồng bộ	5

Bảng 13. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu trình độ phát triển toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		**84,9**		**97,75**
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**	**15**	**14,07**		**15**
1	Tỷ lệ tăng dân số	5	5	-	5
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	6	4,57	Tăng thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 129tr/người	6
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn	4	4	Giữ nguyên tỷ lệ hộ nghèo đạt	4

	nghèo đa chiều)			0%	
	Điểm cộng				
-	Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)		0,5		0,5
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội*				
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**	**20**	**17,93**		**20**
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	10	8,39	Phát triển mở rộng không gian xây dựng đô thị; Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, khu đô thị nhằm thu hút dân cư để tăng mật độ dân số hiện nay	10
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	6	5,54	Ưu tiên tăng tầng cao công trình (nếu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng được) để giải phóng không gian mặt đất cho cây xanh và hạ tầng công cộng.	6
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	4	4	-	4
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**	**65**	**52,9**		**62,75**
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**	**25**	**20,73**		**24**
3.1.1	***Giao thông***	***9***	**5,22**		**7,5**
1	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	3	2,22	Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đô thị theo QHC, QHPK được đuyệt	3
2	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	3	3	-	3
3	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	3	0	Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đô thị để Tăng tỷ lệ ngầm hoá đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính đạt tối thiểu 40%	2,5
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***	***6***	**5,64**		**6**
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	2	1,64	Tăng mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người lên 100 lít/người/ngày đêm	2
2	Thoát nước chống ngập úng đô thị	2	2	-	2
3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy	2	2	-	2

	chuẩn kỹ thuật				
3.1.3	***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***	***4***	**3,86**		**4**
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	2	2	-	2
2	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	1	1	-	1
3	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	1	0,86	Tuyên truyền vận động người dân tăng tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng lên tối thiểu 15%	1
3.1.4	***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***	***4***	**4**		**4**
1	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	2	2	-	2
2	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	1	1	-	1
3	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	1	1	Tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện 'Hiện đại hóa và thông minh hóa mạng lưới chiếu sáng công cộng Hoàn Long, bảo đảm tỷ lệ các tuyến đường chính có ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và điều khiển thông minh đạt trên 50%	1
3.1.5	***Hạ tầng viễn thông***	***2***	**2,01**		**2,5**
1	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	2	1,51	Địa phương cần thực hiện chiến lược 'Phổ cập hạ tầng internet cáp quang băng rộng tốc độ cao' đến từng hộ gia đình	2
	Điểm cộng				
	Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)		0,5	-	0,5
III.2	**Về hạ tầng xã hội**	**25**	**22,77**		**25**
3.2.1	***Nhà ở***	***6***	**4,55**		**6**
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	4	3,05	Tăng diện tích nhà ở bình quân đầu người lên tối thiểu 32m2 sàn/người	4
2	Nhà ở xã hội	2	1,5	Triển khai xây dựng nhà ở xã hội đã có dự án trên địa bàn xã	2
3.2.2	***Công trình công cộng***	***19***	**17,72**		**19**
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	3	3	-	3
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	4	3,22	Nâng cao chất lượng đô thị, thu hút người dân đến sinh sống, làm việc và phát triển dịch vụ – công cộng	4
3	Số trường công lập đạt chuẩn	3	3	-	3
4	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	3	2,5	Triển khai 'Quy hoạch bổ sung diện tích và xây dựng mới trường tiểu học công lập' Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3
5	Đất công trình giáo dục cấp	3	3	-	3

	đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số				
6	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	3	3	-	3
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**	**15**	**9,9**		**13,75**
3.3.1	***Không gian đô thị***	***4***	**3,05**	**-**	**3,5**
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	2	1,55	Tăng diện tích đất cây xanh công cộng	2
2	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	2	1,5	-	1,5
3.3.2	***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***	***4***	**1**		**3,25**
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	2	0	Tăng tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị đạt tối thiểu 20%	1,5
2	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	1	1	-	1
3	Công trình xanh	1	0	Phấn đấu xây dựng tối thiểu 01 công trình công cộng, nhà ở được công nhận tiêu chí công trình xanh	0,75
	Điểm cộng		1		
3.3.3	***Quản trị đô thị***	***7***	**5,85**		**7**
1	Kế hoạch phát triển đô thị	1	0	Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị tư vấn có năng lực để xây dựng và lên *Kế hoạch thực hiện phát triển đô thị Hoàn Long giai đoạn 2026 - 2030*	0,5
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2	2	Chuyển đổi triệt để quy trình thẩm định nội bộ từ môi trường giấy sang môi trường điện tử. Tất cả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương bắt buộc phải được ký số và trả bản điện tử vào "Kho dữ liệu cá nhân" của công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia	2
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	1	0,85	-	1
4	Quản lý phát triển đô thị thông minh	1	0	Xây dựng đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	2	2	-	2
	Điểm cộng		**1**		**1**
	Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất		0,5		0,5

	Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất		0,5		0,5
	** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị*				

5.4.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Đây là các dự án thuộc nhóm giải pháp ưu tiên phát triển đô thị Hoàn Long giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng điểm trình độ phát triển đô thị từ 84,9 điểm (hiện tại) lên 97,75 điểm và điểm đánh giá toàn đô thị từ 85,45 điểm (hiện tại) lên 92,34 điểm.

a) Dự án chiến lược:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án tuyến đường vành đai 4 của vùng Hà Nội. Đây là một trong những tuyến giao thông quan trọng góp phần thúc đẩy giao thương giữa Hoàn Long với các vùng lân cận và là cơ sở cho việc phát triển không gian toàn xã bền vững trong mối quan hệ hữu cơ giữa tỉnh Hưng Yên và vùng Hà Nội.

- Đầu tư xây dựng khu Công nghệ cao Hưng Yên trong đó giai đoạn I (2026-2030) có diện tích 200 ha nằm trong xã Hoàn Long.

- Đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động các Cụm công nghiệp Đồng Than, cụm công nghiệp Hoàn Long 1 và Hoàn Long 2.

- Hoàn thành và đưa và sử dụng trạm Y tế xã Hoàn Long có quy mô 100 giường bệnh.

- Hoàn thành và đưa và sử dụng khu trung tâm Thể dục Thể thao xã Hoàn Long gắn với khu công viên cây xanh trung tâm xã

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng trường quốc tế liên cấp Hoàn Long

b) Các dự án đầu tư phát triển đô thị khác cần xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng:

b1. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật:

- Định hướng mở rộng đường 379 lên 180m để phục vụ sân vận động PVF;

- Bê tông hóa các tuyến đường hiện trạng phục vụ cho dân cư hiện hữu;

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng các tuyến đường trục chính đô thị để hình thành bộ khung giao thông chính;

- Từng bước xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng cho các khu vực hiện hữu. Đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước thải riêng cho các khu dân cư xây dựng mới;

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị, dân cư tập trung;

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và hạ tầng phụ trợ đồng bộ với các nền tảng chuyển đổi số trên cơ sở kế thừa các hạ tầng đã có. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở của xã và của tỉnh. Đầu tư các phần mềm, giải pháp an toàn

thông tin nhằm hoàn thành dự án chuyển đổi số cấp xã. Trong đó, ưu tiên chuyển đổi số đối với các lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, tài nguyên, môi trường và du lịch.

b2. Lĩnh vực hạ tầng xã hội:

- Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường học.

- Dự án xây dựng trung tâm y tế xã quy mô 100 giường.

b3. Các dự án thương mại – dịch vụ, khu đô thị:

- Dự án xây dựng chợ - trung tâm thương mại.

- Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư, phát triển đô thị trên địa bàn

5.5. Lộ trình thực hiện và nguồn vốn

Giai đoạn 2026 - 2027: Ưu tiên hoàn thiện hồ sơ pháp lý, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; nâng cấp các tuyến đường giao thông trong khu vực đô thị và các nhà văn hóa cũ, trung tâm y tế, trung tâm thể dục thể thao.

Giai đoạn 2028 - 2030: Khớp nối toàn diện hạ tầng kỹ thuật ngầm; hoàn thiện lấp đầy 100% quỹ đất xây dựng theo quy hoạch phân khu; chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý hành chính công phục vụ mô hình Phường văn minh.

Cơ cấu nguồn vốn: Đa dạng hóa nguồn lực theo phương thức xã hội hóa mạnh mẽ. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước (đối với hạ tầng khung) và nguồn vốn đầu tư từ các tập đoàn, doanh nghiệp, cùng sự đóng góp đồng lòng của nhân dân (đối với hạ tầng dịch vụ và chỉnh trang đô thị).

PHẦN III
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ
****

I. KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát và đầu tư kịp thời của Trung ương, của tỉnh Hưng Yên; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Hoàn Long đã đồng lòng, tập trung huy động mọi nguồn lực để bứt phá mạnh mẽ. Địa phương đã đạt được những thành tựu toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội và đẩy mạnh công tác chỉnh trang, mỹ hóa không gian đô thị. Nhờ đó, diện mạo địa phương đã chuyển dáng sang một phường nội đô văn minh, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

Căn cứ hệ thống tiêu chuẩn về phân loại đô thị được quy định nghiêm túc tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; đối chiếu với điều kiện thực tế sau sáp nhập địa giới hành chính, UBND xã Hoàn Long tổng hợp kết quả tự đánh giá như sau:

Tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị: Đạt 85,45/100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm)

Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Đạt 84,9/100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm)

Đối chiếu với các khung pháp lý hiện hành, xã Hoàn Long đã cơ bản hoàn thành và vượt các điều kiện, tiêu chuẩn cốt lõi của một đô thị loại III trực thuộc tỉnh. Địa phương đã thiết lập đầy đủ cơ sở bệ phóng để chuyển đổi mô hình quản lý hành chính sang cấp Phường, đủ điều kiện pháp lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, công nhận.

II. KIẾN NGHỊ

Để bảo đảm việc công nhận xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III được triển khai đúng quy định của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Hưng Yên và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới, Ủy ban nhân dân xã Hoàn Long kính đề nghị:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, phê duyệt và ban hành Quyết định công nhận xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III; chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan phối hợp, hướng dẫn địa phương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định.

2. Sở Xây Dựng tỉnh Hưng Yên chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định Đề án, rà soát thực tế và đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất của địa phương; sớm ban hành văn bản thẩm định chuyên môn theo quy định pháp luật; hướng dẫn địa phương hoàn thiện hồ sơ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ủy ban nhân dân xã Hoàn Long kính trình Đề án công nhận xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III và trân trọng đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, công nhận để địa phương có điều kiện phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên trong thời kỳ mới.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC:
BẢNG BIỂU

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 1: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THU CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025
I	**Tổng thu ngân sách trên địa bàn**	**982,485**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	30.727,9
2	Thu ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ %	807.312,9
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	352.887,2
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	35.804,9
5	Thu kết dư ngân sách	32.168,7
II	**Tổng chi ngân sách trên địa bàn**	**474.238,4**
1	Chi đầu tư và phát triển	237.450,7
2	Chi thường xuyên	171.730,6
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	64.508,6

Đơn vị tính: triệu đồng

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 2: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đánh giá kết quả 2021-2025
	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU		
1	**GRDP theo giá hiện hành**	**Tỷ đồng**	**13.685,62**
	- Nông, lâm, thủy sản	"	1.043,72
	- Công nghiệp, xây dựng	"	10.301,57
	- Giá trị thương mại- Dịch vụ	"	2.340,33
2	**Cơ cấu GDRP theo giá hiện hành**		**100,00**
	- Nông, lâm, thủy sản	%	7,63
	- Công nghiệp, xây dựng	%	75,27
	- Giá trị thương mại- Dịch vụ	%	17,1
3	**GRDP theo giá so sánh**	**Tỷ đồng**	**9.363,54**
	- Nông, lâm, thủy sản	"	1.157,59
	- Công nghiệp, xây dựng	"	7.545,36
	- Giá trị thương mại- Dịch vụ	"	660,58
4	**Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn xã (GRDP theo giá so sánh)**	**%**	12,58
5	**GRDP/người**		
-	GRDP/người theo giá thực tế	Triệu đồng	79,1
-	GRDP/người theo giá thực tế quy USD	USD	3.035,3
6	**Dân số trung bình đến năm cuối kỳ**	**Người**	**33.415**

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 3: BẢNG TỔNG HỢP HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Tên thôn	Thời điểm năm 2025		
		Số hộ nghèo	Số khẩu nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
I	Khu vực phát triển đô thị	0	0	0
II	Khu vực nông thôn	0	0	0
	Toàn Xã	0	0	0

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 4: DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

I. DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ

TT	Diện tích (km^2)	Dân số thường trú (người)	Dân số quy đổi (người)
1	19,58	32.620	795
Tổng	**19,58**	**33.415**	

II. CÁC CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025
1	**Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế**	**Người**	**17.835**
-	*Nông, lâm, ngư nghiệp*	*Người*	4.780
-	*Công nghiệp, xây dựng – dịch vụ*	*Người*	11.553
-	*Dịch vụ – thương mại, HCSN*	*Người*	1.502
2	**Tỷ lệ lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế**	**%**	**98,89**
-	*Tỷ lệ lao động nông nghiệp*	*%*	25,69
-	*Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp*	*%*	*73,20*

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 5: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT XÃ HOÀN LONG

TT	Loại đất	Diện tích hiện trạng 2025 (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	**1.957,85**	**100**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**643,78**	**32,88**
1	***Đất dân dụng***	**468,26**	**23,92**
	Đất các khu ở	188,24	9,61
	Đất công trình công cộng	29,6	1,51
	Đất cây xanh công cộng	2	0,1
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đô thị	*2*	*0,1*
	Đất giao thông đối nội (đường giao thông và đất giao thông khác như bãi xe, đất dự trữ giao thông)	248,42	12,69
2	***Đất ngoài dân dụng***	**175,52**	**8,96**
	Đất xây dựng trụ sở, cơ quan	2,06	0,11
	Đất khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh	84,22	4,30
	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	3,82	0,2
	Đất quân sự, an ninh, quốc phòng	0,20	0,01
	Đất nghĩa trang	19,28	0,98
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	65,94	3,37
B	**Đất khác**	**1.316,07**	**67,12**
	Đất sông hồ, mặt nước chuyên dùng	63,20	3,23
	Đất nông nghiệp	1.248,89	63,79
	Đất chưa sử dụng	1,98	0,1

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 6: THỐNG KÊ HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Cơ sở y tế	SL	Số giường	Cán bộ công nhân viên		
				Tổng số	Bác sĩ, dược sĩ	Cán bộ khác
	Tổng	**29**		**40**	**34**	**29**
1	Y tế tuyến xã					
-	Trạm y tế xã Hoàn Long	01	0	28	02 BS, 01 dược sỹ cao đẳng	25
2	Y tế ngoài công lập					
-	Phòng khám đa khoa 108	01	0	07	03 Bác sĩ	4
-	Phòng khám Chuyên khoa Nội - 89A	01	0	02	02 Bác sĩ	0
-	Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm mặt	02	0	02	02 Bác sĩ	0
-	Phòng Chẩn trị YHCT	01	0	01	01 Bác sĩ	0
3	Cơ sở dược	23			23 dược sĩ	0

UBND XÃ HOÀN LONG

U.B.N.D XÃ HOÀN LONG T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 7: DANH MỤC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

I. DANH MỤC CÁC TRƯỜNG HỌC CẤP ĐÔ THỊ - CẤP ĐƠN VỊ Ở

TT	Công trình	Diện tích (m2)	Địa điểm
	Tổng toàn xã	**106.577,9**	**Xã Hoàn Long**
A	**Cấp đô thị**	**108.000**	
1	Đại học Công Đoàn	65.000	Thôn Kênh Xá
2	Trường bồi dưỡng Cán bộ Kinh tế - Tài Chính	43.000	Thôn Chấn Đông
3	Trường Trung cấp Nghề Á Châu		Thôn Đông Tảo Đông
B	**Cấp đơn vị ở**	**52.577,9**	
I	**Trường mẫu giáo, mầm non**		Xã Hoàn Long
1	Mầm non Hoàn Long	13.836	
II	**Trường tiểu học**		Xã Hoàn Long
1	Tiểu học Hoàn Long	18.173,3	
III	**Trường trung học cơ sở**		Xã Hoàn Long
1	THCS Hoàn Long	20.568,6	

II. DANH MỤC CÁC TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

TT	Cơ sở giáo dục	Đơn vị tính	Năm học 2022-2025			Ghi chú
			Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	
I	**Mẫu giáo – Mầm non**		**6**	**3**	**9**	03 trường đạt chuẩn QG
1	Tổng số trường	Trường	3	3	6	
2	Trường chuẩn quốc gia	Trường	3	0	3	
II	**Tiểu học**		**1**	**0**	**1**	01 trường đạt chuẩn

1	Tổng số trường	Trường	1	0	1	QG
2	Trường chuẩn quốc gia	Trường	0	0	0	
III	**Trung học cơ sở**		**1**	**0**	**1**	01 trường đạt chuẩn QG
1	Tổng số trường	Trường	1	0	1	
2	Trường chuẩn quốc gia	Trường	0	0	0	
IV	**Trường TH và THCS**		**4**	**0**	**2**	02 trường đạt chuẩn QG
1	Tổng số trường	Trường	2	0	2	
2	Trường chuẩn quốc gia	Trường	2	0	0	

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 8: THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH THỂ DỤC THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Hạng mục	Số Lượng	Địa điểm	Diện tích m2
A	**Cấp đô thị**	**2**		**500**
1	Bể bơi	2	Thôn Kênh Xá, Thôn Đông Tảo Nam	500
B	**Cấp đơn vị ở (Sân bóng chuyền, cầu lông, sân TDTT các thôn, khối phố)**	**28**		**19.750**
1	Sân bóng nhân tạo Phạm Xá	1	Thôn Kênh Xá	3400
2	Sân bóng nhân tạo Tráng Vũ	1	Thôn Tráng Vũ	1500
3	Sân bóng nhân tạo Chấn Đông	1	Thôn Chấn Đông	1500
4	Sân bóng chuyền hơi Đông Tảo Nam	1	Thôn Đông Tảo Nam	600
5	Sân bóng chuyền hơi Đông Tảo Đông	1	Thôn Đông Tảo Đông	200
6	Sân bóng chuyền hơi Tây Sa	1	Thôn Tây Sa	600
7	Sân bóng chuyền hơi Đại Hạnh	1	Thôn Đại Hạnh	200
8	Sân bóng chuyền hơi Ngân Hạnh	3	Ngân Hạmh	500
9	Sân bóng chuyền hơi Chấn Đông	1	Chấn Đông	500
10	Sân bóng chuyền hơi Ốc Nhiêu	3	ốc nhiêu	1000
11	Sân bóng chuyền hơi Tráng Vũ	1	Tráng vũ	500
12	Sân bóng chuyền hơi Xuân Đồng	2	Xuân Đồng	6000
13	Sân bóng chuyền hơi Kênh Xá	6	Kênh Xá	1000
14	Sân bóng đá (sân đất)	1	Ngân Hạnh	800

TT	Hạng mục	Số Lượng	Địa điểm	Diện tích m2
15	Sân Cầu lông	3	Ngân Hạnh, Đại Hạnh, Chấn Đông	1000
16	CLB Picklball	1	Thôn Hòa Mục	450

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 9: THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TRONG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Danh mục	Địa điểm	Diện tích đất (m2)	Quy mô xây dựng, chất lượng
	Tổng		**54157**	
I	**Cấp đô thị**		**3500**	
1	Trung tâm thương mại Đồng Than	Xã Hoàn Long	2000	
2	Siêu thị WinMart	Thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long	1500	
II	**Cấp đơn vị ở**		**50657**	
1	Chợ đầu mối nông sản Đông Tảo	Thôn Đông Tảo Nam, Xã Hoàn Long	8350	Quy mô chợ hạng 1
2	Chợ Đồng Than	Thôn Xuân Đồng, Xã Hoàn Long	7071	Quy mô chợ hạng 3
3	Chợ đầu mối nông sản Đông Tảo	Thôn Đông Tảo Nam, Xã Hoàn Long	26236	Đang xây dựng
4	Chợ Hoàn Long (Chợ Đại Hạnh)	Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long	9000	Quy hoạch xây dựng mới

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 10: THỐNG KÊ HỆ THỐNG GIAO THÔNG KHU VỰC XÃ HOÀN LONG

I. THỐNG KÊ ĐƯỜNG GIAO THÔNG

TT	Tên đường	Loại đường	Chiều rộng mặt đường (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Chiều dài tuyến (km)	Diện tích đất giao thông (m^2)	Chiều dài các tuyến có chiều rộng phần xe chạy >7,5m (km)	Chiều dài hệ thống thoát nước (km)
	Tổng					**518,9**		
A	***Đường Giao thông đối ngoại***					**470,2**		
1	Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng	Cấp 1		120	2,2			2,2
2	Vành đai 4	Cấp 1		100	2,5			2,5
3	ĐT.381	Cấp 3	10,5	34	3,8	125,8	3,7	3,8
4	ĐT.382	Cấp 3	10,5	34	4	88,4	2,6	4
5	ĐT.379	Cấp 3	2x11,5	77	1,9	154	2	1,9
6	ĐT.377	Cấp 3	10,5	34	3	102	3	3
B	***Đường Giao thông đối nội***							
I	***Đường liên xã***					**48,7**		

1	Đường ĐH.45	Cấp 3	7,5		2,3	25,4		2,3
2	Đường ĐH.23	Cấp 3	7,5		2,4	16,5		2,4
3	Đường ĐH.20	Cấp 3	7,5		2,4	6,8		2,4
II	***Giao thông khu vực***							
1	***Đường nội khu đô thị***	***Đường đô thị***						
1	Đường xã	Đường trục chính thôn Ốc Nhiêu						
2		Đường Tây Sa Công chúa						
3	Đường thôn	**Loại đường**	**Chiều rộng mặt đường (m)**	**Chỉ giới đường đỏ (m)**	**Chiều dài tuyến (m)**	**Diện tích đất giao thông (m2)**	**Chiều dài các tuyến có chiều rộng phần xe chạy >7,5m (km)**	**Chiều dài hệ thống thoát nước (m)**
		Đường Vành Lao (thôn Đông Tảo Nam)						
	Đường giao thông thôn Tráng Vũ (Đoạn từ ĐH 20 đến nghĩa trang nhân dân thôn Tráng Vũ)	GTNT	5		341	1.705		341
	Đường giao thông trục chính thôn Tráng Vũ xã Đồng Than	GTNT	5		764	3.820		764
	Đường giao thông thôn Tráng Vũ, xã Hoàn Long	GTNT	5		1958	9.790		1958
	Đường giao thông trục chính thôn Xuân Tràng	GTNT	7.5		1931	14.482,5		1931
	Đường GTNT thôn Phạm Xá, xã Hoàn Long	GTNT	5		1175,5	5.877,5		1175,5

	Đường giao thông thôn Bắc Kênh Cầu, đoạn từ nhà ông Phong đến giáp ranh xã Nguyễn Văn Linh	GTNT	5,5		741,5	4.078,25		741,5
	Đường thôn Bắc Kênh Cầu, xã Hoàn Long	GTNT	5		1256	6.280		1256
	Đường GT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ nhà ông Lập đến nhà bà Mức)	GTNT	6		251	1.506		251
	Đường GTNT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ ĐT.382 đến xưởng Kem)	GTNT	6		353,5	2.121		353,5
	Đường GTNT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ DT382 đến nhà ông Thắng)	GTNT	6		251	1.506		251
	Đường GTNT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ nhà ông Tiến đến nhà ông Hoán)	GTNT	6		105	630		105

II.CÁC CHỈ TIÊU GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Hạng mục	Đơn vị	Hiện trạng	Ghi chú
1	Công trình đầu mối giao thông	cấp vùng	02 công trình	Đường Vành đai 4 và đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng

III.DANH MỤC BẾN, BÃI ĐỖ XE TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Danh mục	Diện tích (m2)	Địa điểm
	Tổng		
1	**Điểm dừng đỗ xe buýt**		
	Điểm dừng đỗ xe buýt		Thôn Đông Tảo Đông
	Điểm dừng đỗ xe buýt		Thôn Xuân Đồng
	Điểm dừng đỗ xe buýt		Thôn Kênh Xá
2	**Bãi đỗ xe**	**89.716**	
	Bãi đỗ xe thôn Đại Hạnh xã Hoàn Long	6.960	Thôn Đại Hạnh xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Đông Tảo Đông xã Hoàn Long	2.272	Thôn Đông Tảo Đông xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Ngân Hạnh xã Hoàn Long	6.960	Thôn Ngân Hạnh xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Hoà Mục xã Hoàn Long	3.521	Thôn Ngân Hạnh xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Đông Tảo Nam xã Hoàn Long	10.500	Thôn Đông Tảo Nam xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Tráng Vũ xã Hoàn Long	12.730	Thôn Tráng Vũ, xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Bắc Kênh Cầu xã Hoàn Long	11.273	Thôn Kênh Xá, xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Ốc Nhiêu xã Hoàn Long	10.220	Thôn Ốc Nhiêu, xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Đồng Than xã Hoàn Long	10.300	Thôn Xuân Đồng, xã Hoàn Long
	Bãi đỗ xe thôn Trương Kênh Cầu xã Hoàn Long	14.980	Thôn Kênh Xá, xã Hoàn Long

UBND XÃ HOÀN LONG

U.B.N.D XÃ HOÀN LONG T. BẮC NINH

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 11: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CẤP NƯỚC SẠCH TRONG KHU VỰC XÃ HOÀN LONG

- Trên địa bàn xã không có nhà máy nước sạch.
- 3 nhà máy nước sạch thuộc xã khác cung cấp cho xã Hoàn Long.

A. Nhà máy nước sạch Mỹ Văn

I. THỐNG KÊ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Loại đường ống	Đơn vị tính	Đường kính (mm)	Chiều dài tuyến ống (km)	Vật liệu ống	Ghi chú
1	Đường ống cấp I	m	D=250 đến D=300	0	PVC+HDPE	
2	Đường ống cấp II	m	D=160 đến D=230	1.200	PVC+HDPE	
3	Đường ống cấp III	m	D=63 đến D=110	13.680	PVC+HDPE	
4	Đường ống cấp III, ống dịch vụ	m	<D63	15.820	HDPE	
	Tổng cộng	**m**		**30.700**		

II. TỶ LỆ NƯỚC THẤT THOÁT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng	Ghi chú

1	Tổng khối lượng cấp nước sạch 2025	m3/ngày đêm	36.456 m3	
2	Tổng khối lượng nước được thu phí năm 2025	m3/ngày đêm	36.456 m3	
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	30	

B. Nhà máy nước sạch Yên Phú

I. THỐNG KÊ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Loại đường ống	Đơn vị tính	Đường kính (mm)	Chiều dài tuyến ống (km)	Vật liệu ống	Ghi chú
1	Đường ống cấp I	m	D=250 đến D=300	0	PVC+HDPE	
2	Đường ống cấp II	m	D=160 đến D=230	1.320	PVC+HDPE	
3	Đường ống cấp III	m	D=63 đến D=110	15.048	PVC+HDPE	
4	Đường ống cấp III, ống dịch vụ	m	<D63	17.402	HDPE	
	Tổng cộng	**m**		33.770		

II. TỶ LỆ NƯỚC THẤT THOÁT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng	Ghi chú
1	Tổng khối lượng cấp nước sạch 2025	m3/ngày đêm	2.017,4	
2	Tổng khối lượng nước được thu phí năm 2025	m3/ngày đêm	2.017,4	
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	26	

C. Nhà máy nước sạch Dạ Trạch

I. THỐNG KÊ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Loại đường ống	Đơn vị tính	Đường kính (mm)	Chiều dài tuyến ống (km)	Vật liệu ống	Ghi chú
1	Đường ống cấp I	m	D=250 đến D=300	0	PVC+HDPE	
2	Đường ống cấp II	m	D=160 đến D=230	3.569	PVC+HDPE	
3	Đường ống cấp III	m	D=63 đến D=110	18.665	PVC+HDPE	
4	Đường ống cấp III, ống dịch vụ	m	<D63	27.840	HDPE	
	Tổng cộng	**m**		**50.074**		

II. TỶ LỆ NƯỚC THẤT THOÁT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng	Ghi chú
1	Tổng khối lượng cấp nước sạch 2025	m3/ngày đêm	1.834	
2	Tổng khối lượng nước được thu phí năm 2025	m3/ngày đêm	1.467	
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	27	

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 12: TỔNG HỢP HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG VÀ CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

A. TỶ LỆ ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH ĐƯỢC CHIẾU SÁNG

TT	Tên đường, phố chính	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều dài đường được chiếu sáng (km)	Ghi Chú
A	**Đường Giao thông đối ngoại**					
1	Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng	Cầu vượt Yên Phú	Xã Văn Giang	2.2	2.2	-
2	ĐT.381	Cầu vượt Yên Phú	Thôn Kênh Xá, xã Hoàn Long	3.7	3.7	-
3	ĐT.382	Thôn Đông Tảo Đông	Thôn Đông Tảo Nam	2.6	2.6	
4	ĐT.379	Sông Đồng Quê	Giáp đường Vành đai 4	2	2	
5	ĐT.377	Giáp Triệu Việt Vương	Vành đai 4	3	3	
B	**Đường Giao thông đối nội**					
I	**Đường liên xã**					
1	Đường ĐH.45	Giao ĐT.381 tại thôn Bắc Kênh	Thôn Châu Xá, xã Việt Yên	3,39	3,39	

		Cầu, xã Hoàn Long				
2	Đường ĐH.23	Giao ĐT.382 tại thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	Giao với đường song hành dự án đường VĐ.4	2,2	2,2	-
3	Đường ĐH.20	Giao ĐT.381 tại thôn Tráng Vũ, xã Hoàn Long	Xã Nghĩa Trụ	0,9	0,9	-
II	**Giao thông khu vực**					
1	Đường xã					
-	Đường trục chính thôn Ốc Nhiêu	Cầu Ốc Nhiêu	Giao với đường song hành dự án đường VĐ.4	1,6	1,6	-
-	Đường Tây Sa Công chúa	ĐT.382	Giao với đường song hành dự án đường VĐ.4	1,7	1,7	
2	Đường thôn					
-	Đường Vành Lao (thôn Đông Tảo Nam)			1.2	1.2	
-	Đường thôn Đông Tảo Nam đoạn nối từ Tây Sa đến ĐH.382	Tây Sa	ĐT.382	1.5	1.5	
-	Đường từ Ba Dư đến Chợ Mễ	Ba Dư	Chợ Mễ	4	4	
-	Đường nối từ 382 đến xã Việt Yên	Từ 382	Xã Việt Yên	1	1	
-	Đường Cầu Tây vào thôn Đại Hạnh và thôn Chấn Đông xã Hoàn Long	ĐH.23	ĐT.382B	1	1	

-	Đường thôn Đông Tảo Nam đoạn nối từ Tây Sa đến ĐH.382	Tây Sa	ĐH.382	0.361	0.361	
-	Đường giao thông thôn Tráng Vũ (Đoạn từ ĐH 20 đến nghĩa trang nhân dân thôn Tráng Vũ)	ĐH.20	Nghĩa trang thôn Tráng Vũ	0.341	0.341	
-	Đường giao thông trục chính thôn Tráng Vũ xã Đồng Than	ĐH.20	Nhà văn hóa	0.764	0.764	
-	Đường giao thông thôn Tráng Vũ, xã Hoàn Long			1.958	1.958	
-	Đường giao thông trục chính thôn Xuân Tràng	ĐT.381	Cuối thôn Xuân Tràng	1.931	1.931	
-	Đường GTNT thôn Phạm Xá, xã Hoàn Long			1.1755	1.1755	
-	Đường giao thông thôn Bắc Kênh Cầu, đoạn từ nhà ông Phong đến giáp ranh xã Nguyễn Văn Linh	Nhà ông Phong	Nguyễn Văn Linh	0.7415	0.7415	
-	Đường thôn Bắc Kênh Cầu, xã Hoàn Long			1.256	1.256	
-	Đường GT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ nhà ông Lập đến nhà bà Mức)	Nhà ông Lập	Nhà bà Mức	0.251	0.251	
-	Đường GTNT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ ĐT.382 đến xưởng Kem)	ĐT.382	Xưởng Kem	0.3535	0.3535	
-	Đường GTNT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ DT382 đến nhà ông Thắng)	ĐT.382	Nhà ông Thắng	251	251	

-	Đường GTNT thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long (đoạn từ nhà ông Tiến đến nhà ông Hoán)	Nhà ông Tiến	Nhà ông Hoán	105	105	

B. TỔNG HỢP CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Hiện trạng
1	Chiều dài đường chính khu vực đô thị	km	35,01
-	*Chiều dài đường chính được chiếu sáng*	km	33,5
-	*Tỷ lệ phố chính được chiếu sáng*	%	*95,69*

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 13: HIỆN TRẠNG THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

STT	Nội dung	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	92
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	%	90
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	97,22
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	%	90

UBND XÃ HOÀN LONG

U.B.N.D XÃ HOÀN LONG T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ….tháng ….năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 14: BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Đơn vị hành chính	thuê bao di động		Thuê bao Internet		
		Số lượng	Bình quân máy/100 dân	Số hộ gia đình	Số lượng	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)
	Xã Hoàn Long	33.415	96	8.911	7.198	80,77

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 15: THỐNG KÊ CÁC CƠ SỞ VĂN HÓA TRONG XÃ HOÀN LONG

TT	Công trình	Diện tích (m2)	Địa điểm
	Tổng	**20.900**	
A	**Cấp đô thị**	**900**	
1	NVH xã Hoàn Long	750	Thôn Tráng Vũ, xã Hoàn Long
2	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Đồng Than	50	Thôn Xuân Đồng
3	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Hoàn Long	50	Thôn Đại Hạnh
4	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Đông Tảo	50	Thôn Đông Tảo Nam
B	**NVH thôn**	**20.000**	
1	NVH Thôn Kênh Xá (Trương Kênh Cầu)	700	Thôn Kênh Xá
2	NVH Thôn Kênh Xá (Phạm Xá)	1.600	Thôn Kênh Xá
3	NVH Thôn Kênh Xá (Bắc Kênh Cầu)	1.500	Thôn Kênh Xá
4	NVH Thôn Tráng Vũ	1.500	Thôn Tráng Vũ
5	NVH Thôn Xuân Đồng (Xuân Tràng)	6.500	Thôn Xuân Đồng
6	NVH Thôn Xuân Đồng (Đồng Than)	1.500	Thôn Xuân Đồng
7	NVH Thôn Ốc Nhiêu	1.700	Thôn Ốc Nhiêu
8	NVH Thôn Ngân Hạnh (Hòa Mục)	700	Thôn Ngân Hạnh
9	NVH thôn Ngân Hạnh	500	Thôn Ngân Hạnh
10	NVH Thôn Chấn Đông	1.500	Thôn Chấn Đông
11	NVH Thôn Đại Hạnh	800	Thôn Đại Hạnh
12	NVH Thôn Đông Tảo Nam	1.500	Thôn Đông Tảo Nam

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày tháng 9 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 16: DANH MỤC DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Danh mục	Địa điểm (Thôn)	Xếp hạng di tích	
			Cấp tỉnh	Quốc gia
1	Đình Đại Hạnh	Thôn Đại Hạnh		X
2	Đình, chùa Phạm Xá	Thôn Kênh Xá		X
3	Đình, Miếu Tráng Vũ	Thôn Tráng Vũ		X
4	Đình Xuân Tràng	Thôn Xuân Đồng		X
5	Chùa An Quốc	Thôn Đại Hạnh	X	
6	Đền Bắc Kênh Cầu	Thôn Kênh Xá	X	
7	Đình Đông Tảo Đông	Thôn Đông Tảo Đông	X	
8	Đình Đông Kim	Thôn Tây Sa	X	
9	Đình Đồng Than	Thôn Xuân Đồng	X	
10	Đình Ốc Nhiêu	Thôn Ốc Nhiêu	X	
	Tổng		**6**	**4**

UBND XÃ HOÀN LONG

CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

UBND XÃ HOÀN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày ....tháng ....năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 17: DANH MỤC CÁC KHU, ĐIỂM DÂN CƯ ĐÔ THỊ MỚI VÀ CẢI TẠO, CHỈNH TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOÀN LONG

TT	Tên khu, điểm dân cư đô thị mới	Ghi chú
	Tổng	
1	Xây dựng chợ dân sinh thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Đông Tảo Đông	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cứ mới thôn Đông Tảo Nam (vị trí 1)	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cứ mới thôn Đông Tảo Nam (vị trí 2)	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Chấn Đông	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Đại Hạnh	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Ốc Nhiêu (vị trí 1)	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Ốc Nhiêu (vị trí 2)	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Bắc Kênh Cầu	Đang duyệt quy hoạch chi tiết
10	Khu đô thị hỗn hợp tại xã Văn Giang – Hoàn Long.	Có quy hoạch chi tiết
11	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên - Khu số 1	Thông báo chủ trương số 699-TB/TU ngày 19/8/2026
12	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại thôn Đông Tảo Đông, xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên.	Thông báo chủ trương số 688-TB/TU ngày 4/8/2026
13	Xây dựng công trình Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ (vị trí số 2)	Có quy hoạch chi tiết
14	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại thôn Ngân Hạnh, xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên.	Đang xin chủ trương đầu tư
15	Xây dựng công trình Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà	Có quy hoạch chi tiết

	ở thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ (vị trí số 1)	
16	Khu nhà ở xã hội Lạc Việt Đồng Quê	Đang xin chủ trương đầu tư
17	Nhà ở cho lực lượng vũ trang trong quân đội tại xã Hoàn Long	Đang xin chủ trương đầu tư
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàn Long	Đã hoàn thành
19	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư mới xã Hoàn Long	Đã hoàn thành
20	Khu dân cư mới thôn Ốc Nhiêu xã Đồng Than	Đã hoàn thành
21	Khu dân cư mới thôn Trương Kênh Cầu, xã Đồng Than	Đã hoàn thành
22	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Đông Tảo (Vị trí sau trường tiểu học mới xã Đông Tảo)	Đã hoàn thành
23	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thôn Trương Kênh Cầu, xã Đồng Than	Đã hoàn thành
24	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thôn Trương Kênh Cầu, xã Đồng Than, giai đoạn 2	Đã hoàn thành
25	Khu giãn dân thôn trương Kênh Cầu (Ngần Rẽ), xã Đồng Than	Đã hoàn thành
26	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới (Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở) tại xã Đông Tảo	Đã hoàn thành
27	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu (thuộc khu đất dự kiến quy hoạch Chợ đầu mối nông sản và HTKT khu nhà ở Đông Tảo, huyện Khoái Châu) - Giai đoạn I	Đã hoàn thành
28	Khu dân cư mới thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	Đã hoàn thành
29	Khu dân cư mới thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long	Đã hoàn thành
30	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàn Long	Đã hoàn thành
31	Khu dân cư nông thôn để giao đất cho nhân dân làm nhà ở theo hình thức thu tiền sử dụng đất tại thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	Có Quy hoạch chi tiết

UBND XÃ HOÀN LONG

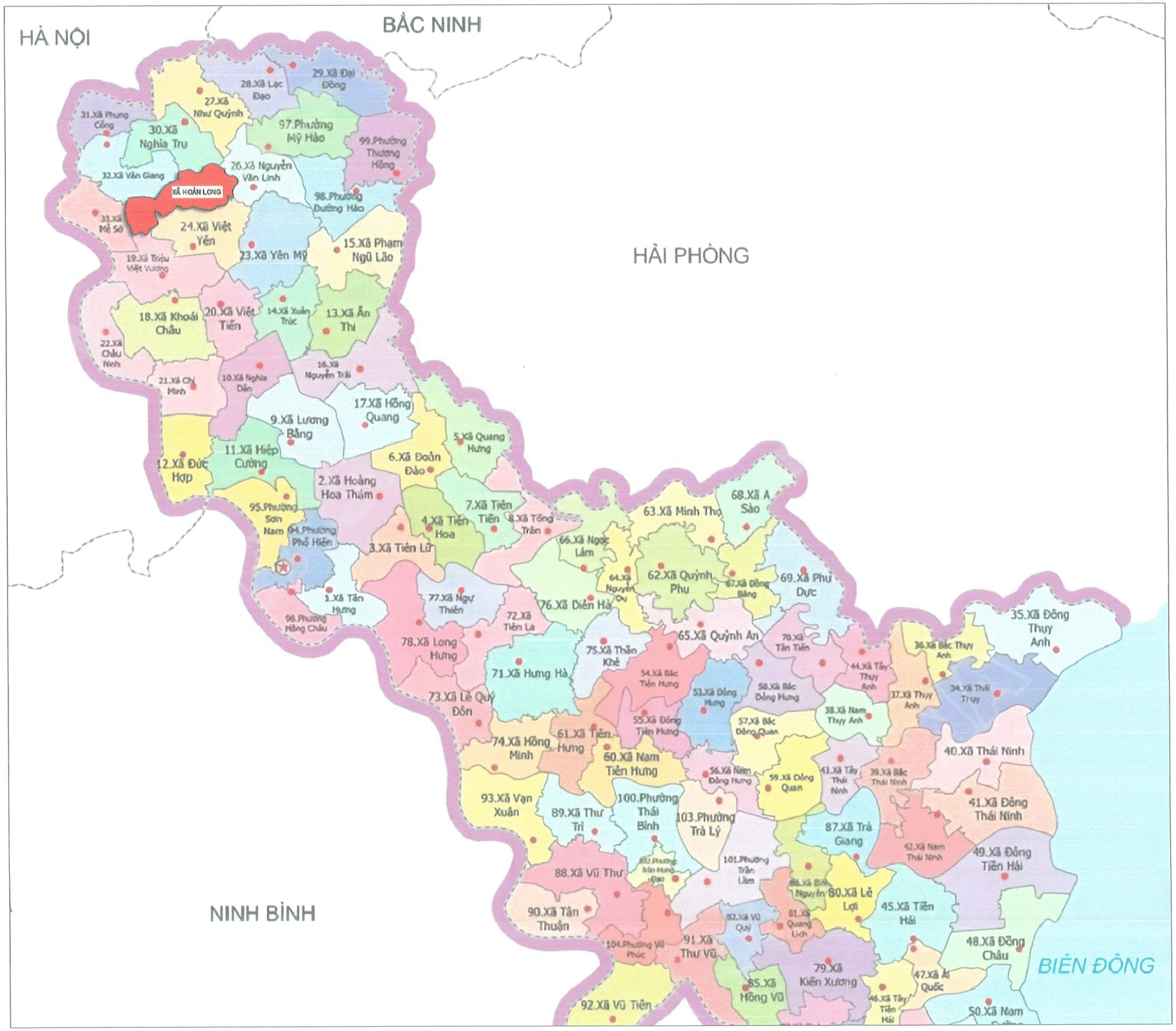
CHỦ TỊCH

VŨ VĂN QUẢNG

PHỤ LỤC:
BẢN VẼ

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

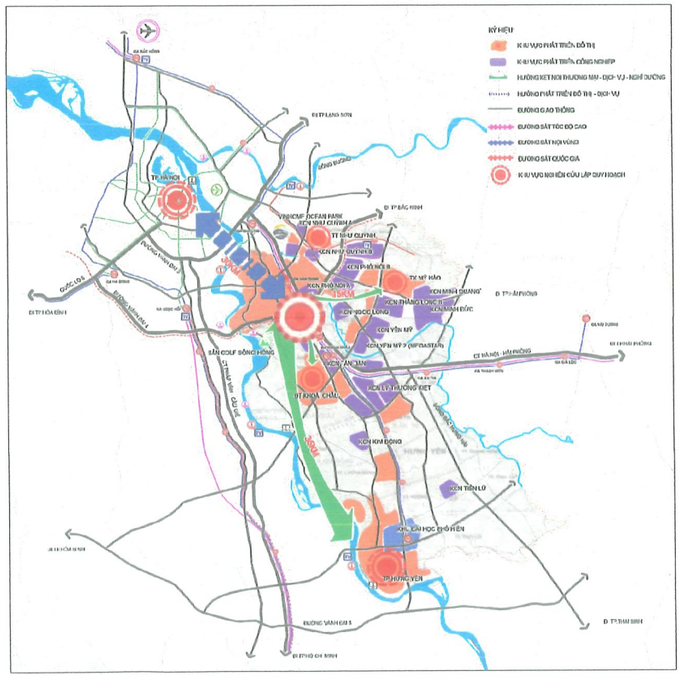
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ HOÀN LONG TRONG NỀN BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, MỐI LIÊN HỆ VÙNG XÃ HOÀN LONG ĐỐI VỚI KHU VỰC LÂN CẬN



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ HOÀN LONG TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ TỈNH HƯNG YÊN



XÃ HOÀN LONG CÓ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ QUAN TRỌNG, NẰM Ở KHU VỰC PHÍA TÂY BẮC TỈNH HƯNG YÊN, THUỘC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN CỦA VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ. ĐÂY LÀ KHU VỰC CÓ VAI TRÒ KẾT NỐI GIỮA TRUNG TÂM TỈNH HƯNG YÊN VÀ THỦ ĐÔ HÀ NỘI, CÓ ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC LĨNH VỰC ĐÔ THỊ, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHIỆP

XÃ HOÀN LONG CÓ DIỆN TÍCH KHOẢNG: 19,58 KM 2; QUY MÔ DÂN SỐ NĂM 2026 KHOẢNG 33.415 NGƯỜI.
VỚI GIÁP GIỚI CỤ THỂ NHƯ SAU:

- PHÍA ĐÔNG: GIÁP XÃ NGUYÊN VĂN LINH, TỈNH HƯNG YÊN
- PHÍA BẮC: GIÁP XÃ VĂN GIANG VÀ XÃ NGHĨA TRỤ, TỈNH HƯNG YÊN
- PHÍA TÂY: GIÁP XÃ MỄ SỞ, TỈNH HƯNG YÊN
- PHÍA NAM: GIÁP XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG VÀ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

M.S.D.N: 0105041...
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH



M.S.D.N: 0100415537
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

X. VĂN GIANG

X. HOÀN LONG

NGU

Sở

SỞ

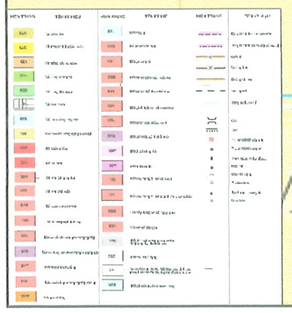
xã Yên Phú

xã Thanh Long

X. VIỆT YÊN

Minh

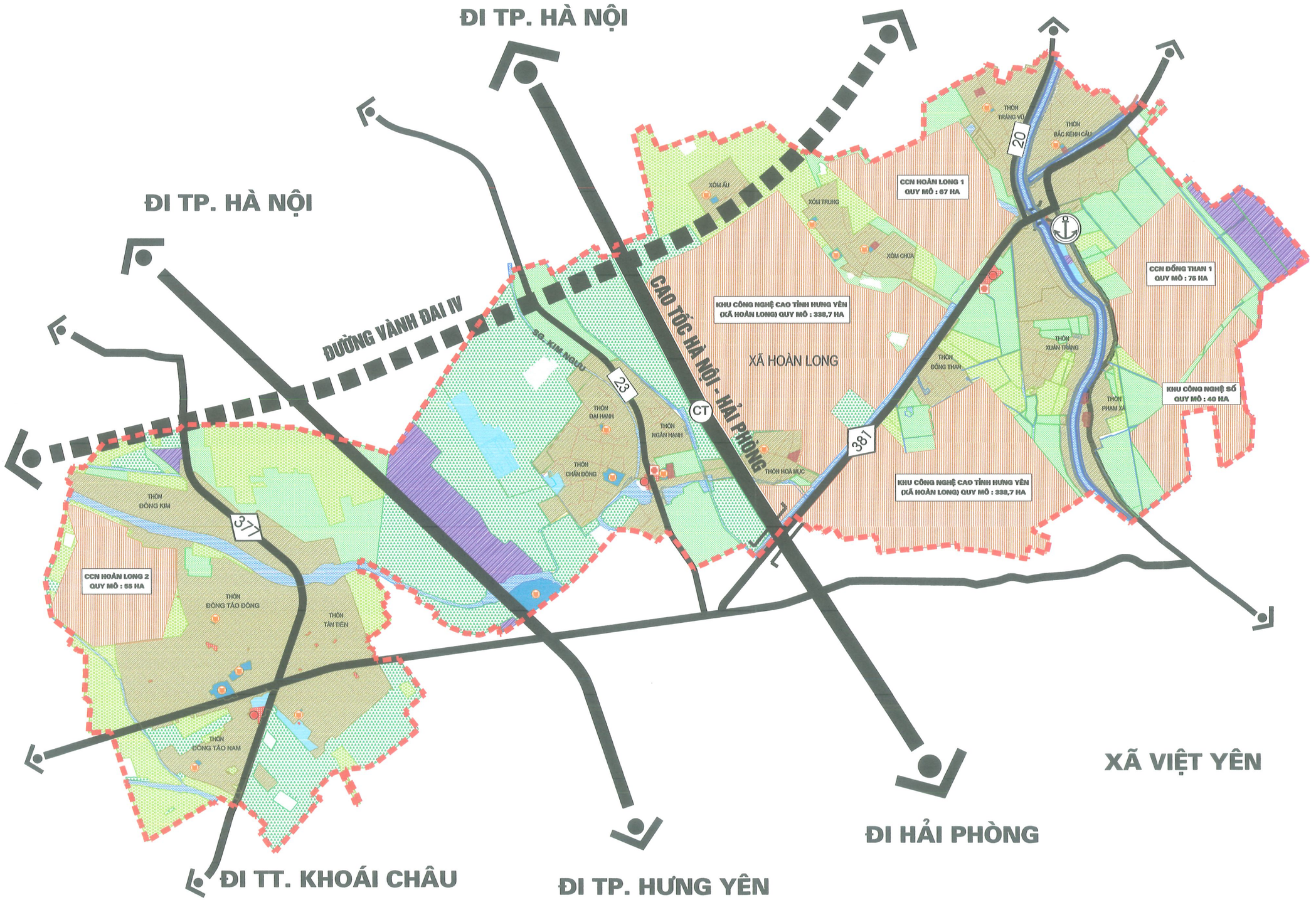
RANH GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ HOÀN LONG
XÃ HOÀN LONG CÓ DIỆN TÍCH: 19,58 KM2



ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ HOÀN LONG TRÊN NỀN BẢN ĐỒ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP ĐẤT ĐAI THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
(ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH HƯNG YÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 THEO VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH SỐ 579/QĐ-UBND NGÀY 27/2/2026 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN)

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN



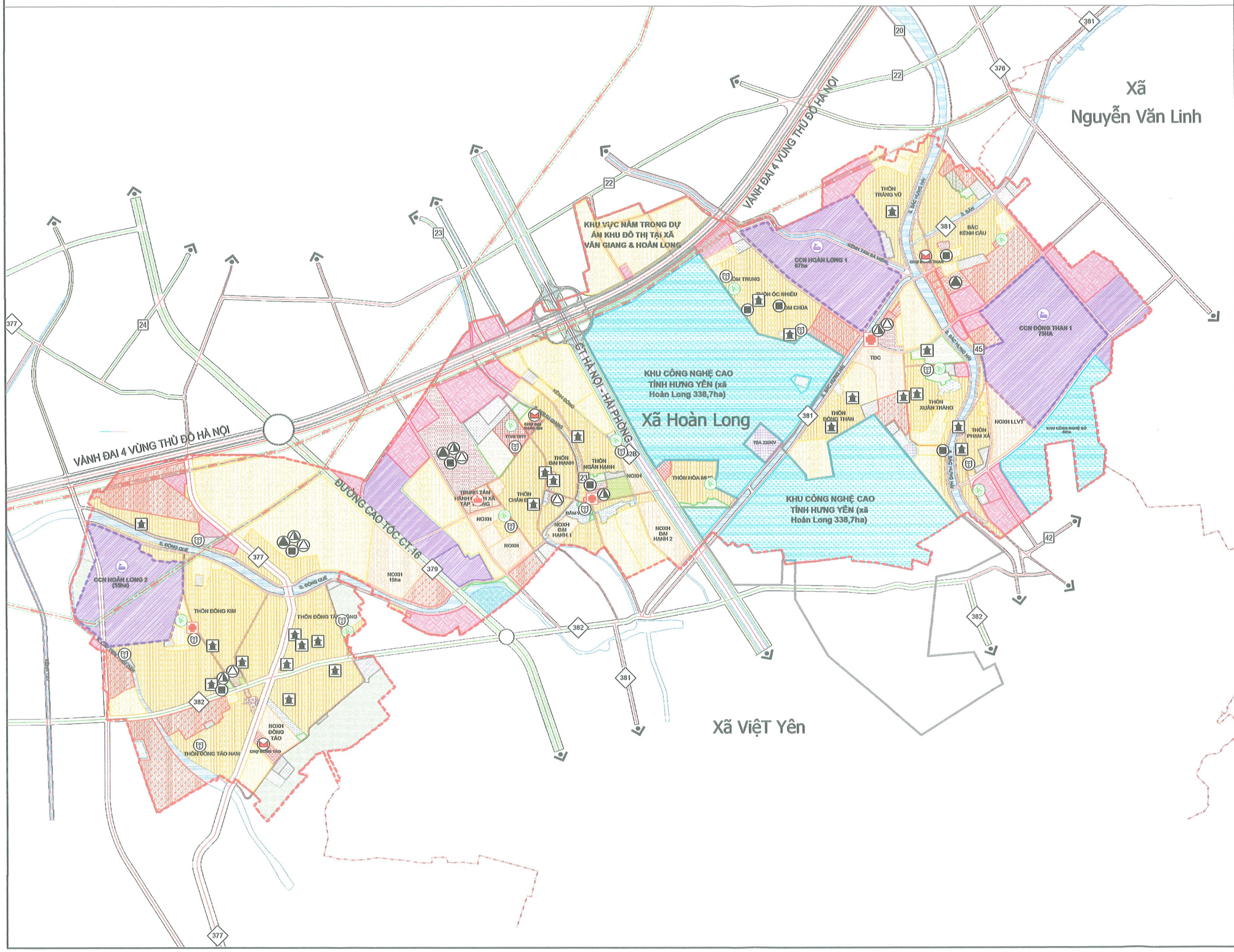
KÍ HIỆU

- ĐẤT CÁC KHU Ở HIỆN HỮU
- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
- ĐẤT CT CÔNG CỘNG , TMDV
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH
- ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
- ĐẤT LÚA
- ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NGHIỆP
- ĐẤT TRỒNG CÂY LAU NẤM
- SÔNG, KÊNH, MẶT NƯỚC CHUYÊN DỤNG
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- KHU VỰC ĐANG TRIỂN KHAI DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM
- RANH GIỚI XÃ NGHĨA TRỤ
- CẦU
- ĐƯỜNG CAO TỐC
- ĐƯỜNG TỈNH
- ĐƯỜNG HUYỆN
- ĐƯỜNG LIÊN KHU
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- TRUNG TÂM Y TẾ

TỔNG CÔNG TY ... THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN



CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM

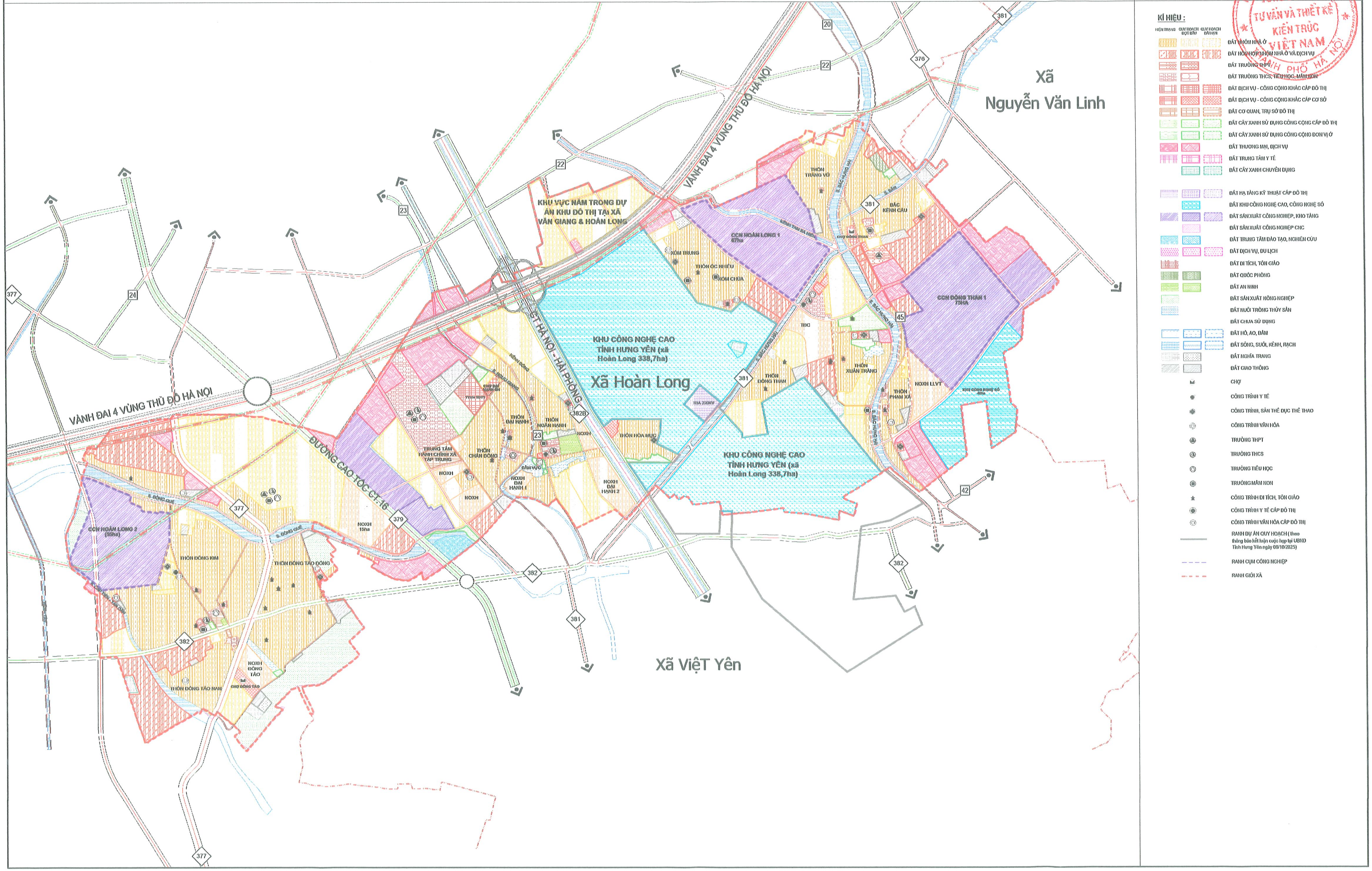
KÍ HIỆU :

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH ĐỢT ĐẦU	QUY HOẠCH DÀI HẠN	
			ĐẤT NHÓM NHÀ Ở
			ĐẤT HỖN HỢP NHÓM NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ
			ĐẤT TRƯỜNG THPT
			ĐẤT TRƯỜNG THCS, TIỂU HỌC, MẦM NON
			ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG KHÁC CẤP ĐÔ THỊ
			ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG KHÁC CẤP CƠ SỞ
			ĐẤT CƠ QUAN, TRỤ SỞ ĐÔ THỊ
			ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG CẤP ĐÔ THỊ
			ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
			ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
			ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
			ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG
			ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP ĐÔ THỊ
			ĐẤT KHU CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ SỐ
			ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG
			ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CNC
			ĐẤT TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
			ĐẤT DỊCH VỤ, DU LỊCH
			ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO
			ĐẤT QUỐC PHÒNG
			ĐẤT AN NINH
			ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
			ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
			ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
			ĐẤT HỒ, AO, ĐẦM
			ĐẤT SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH
			ĐẤT NGHĨA TRANG
			ĐẤT GIAO THÔNG

- CHỢ
- CÔNG TRÌNH Y TẾ
- CÔNG TRÌNH, SÂN THỂ DỤC THỂ THAO
- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
- TRƯỜNG THPT
- TRƯỜNG THCS
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG MẦM NON
- CÔNG TRÌNH DI TÍCH, TÔN GIÁO
- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- RANH DỰ ÁN QUY HOẠCH (Theo thông báo kết luận cuộc họp tại UBND Tỉnh Hưng Yên ngày 08/10/2025)
- RANH CỤM CÔNG NGHIỆP
- RANH GIỚI XÃ

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Xã Nguyễn Văn Linh

Xã Hoàn Long

Xã ViệT Yên

KHU VỰC NẰM TRONG DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ TẠI XÃ VĂN GIANG & HOÀN LONG

KHU CÔNG NGHỆ CAO TỈNH HƯNG YÊN (xã Hoàn Long 338,7ha)

CCN HOÀN LONG 1 67ha

CCN ĐÔNG THAN 1 75HA

CCN HOÀN LONG 2 (55ha)

NOXH 16ha

NOXH ĐẠI HẠNH 1

NOXH ĐẠI HẠNH 2

NOXH ĐÔNG TÁO

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH XÃ TẬP TRUNG

VÀNH ĐAI 4 VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI

ĐƯỜNG CAO TỐC CT.16

CT HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

THÔN TRẠNG VÕ

THÔN ĐẠI HƯNG

THÔN NGÂN HÀNH

THÔN HÒA MỤC

THÔN ĐỒNG THAN

THÔN XUÂN TRẠNG

THÔN PHÁM XÁ

THÔN ĐỒNG KIM

THÔN ĐÔNG TÁO ĐÔNG

THÔN ĐÔNG TÁO NAM

TDC

TBA 220KV

KÍ HIỆU:

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	
		ĐƯỜNG CAO TỐC
		ĐƯỜNG QUỐC LỘ
		ĐƯỜNG TỈNH
		ĐƯỜNG HUYỆN
		ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH
		ĐƯỜNG KHU VỰC

MẶT CẮT ĐƯỜNG ĐIỂN HÌNH

